



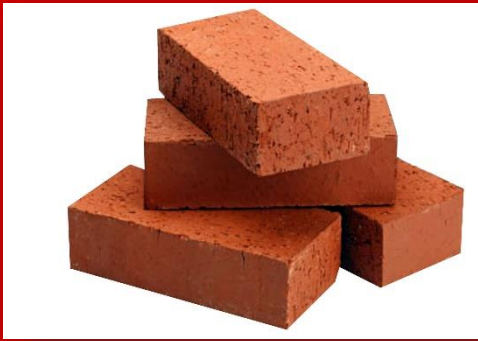
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP.Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Số điện thoại: 0753822315

Số fax: 0753822319

Website: www.vlxdbentre.com



**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2015

Bến Tre, tháng 04 năm 2016

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CTCP VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**



Vatlieuxaydungbentre

I. THÔNG TIN CHUNG <<3>>

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
4. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC, MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
6. CÁC RỦI RO

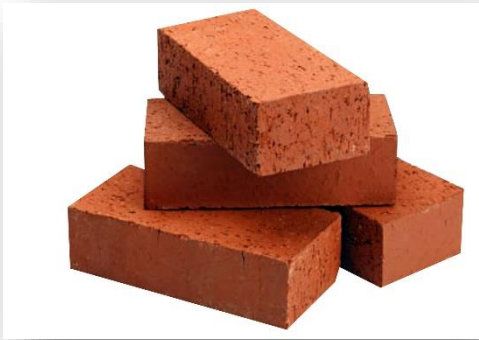
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM <<17>>

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT
2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
4. TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG
5. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC <<29>>

1. VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015
2. VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
3. VỀ NHỮNG CẢI CÁCH QUẢN LÝ TRONG NĂM
4. KẾ HOẠCH NĂM 2016
5. VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI





IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ <<41>>

1. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
2. VỀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC
3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY <<49>>

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. BAN KIỂM SOÁT
3. CÁC GIAO DỊCH



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH <<54>>

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
4. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC, MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
6. CÁC RỦI RO



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300108704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 01/09/2004

Vốn điều lệ: 40.490.060.000 VNĐ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 40.490.060.000 VNĐ

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP.Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Số điện thoại: 0753822315

Số fax: 0753822319

Website: www.vlxdbentre.com

Mã cổ phiếu: VXB



2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Các sự kiện nổi bật

1978: Tiền thân

- Công ty Vật Liệu Xây dựng Bến Tre trực thuộc UBND Tỉnh Bến Tre
- Thành lập theo Quyết Định 30/TC-CQ ngày 17/01/1978

1992: Thành lập lại

- Công ty Vật Liệu Xây dựng Bến Tre trực thuộc UBND Tỉnh Bến Tre
- Theo Quyết Định 994/QĐ-UB ngày 02/12/1992

2004: Cổ phần hóa

- Theo quyết định số 1852/2004/QĐ-UB của UBND Tỉnh Bến Tre
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5503000020 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/09/2004

2010: Niêm yết

- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 4.049.006 cổ phiếu
- Mã chứng khoán: **VXB**
- Quyết định niêm yết ngày 21/04/2010
- Ngày giao dịch đầu tiên: 22/06/2010



Các mốc sự kiện quan trọng

Năm 1996: Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực khai thác cát.

Năm 2000: Tiến hành sáp nhập Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu Xây dựng vào Công ty Vật liệu Xây dựng. Bến Tre theo quyết định số 3150/QĐ-UB ngày 17/12/1999 của UBND tỉnh Bến Tre.

Năm 2005: Công ty đầu tư xây dựng Xưởng sản xuất tole và xà gồ thép.

Năm 2006: Tăng vốn điều lệ lên 17,25 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu.
Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực thi công xây dựng.

Năm 2007: Tăng vốn điều lệ lên 19,75 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu.

Năm 2009: Tăng vốn điều lệ lên 40,49 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Các thành tích đạt được

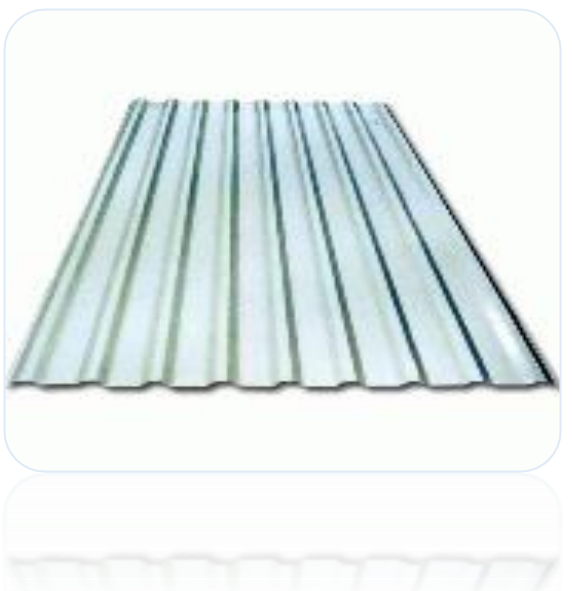
- Huân chương lao động hạng 3 năm 1996
- Huân chương lao động hạng 2 năm 2002
- Chính phủ tặng Cờ thi đua hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua lao động sản xuất và công tác của tỉnh Bến Tre năm 2003
- Huân chương Lao động hạng nhất năm 2008

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính

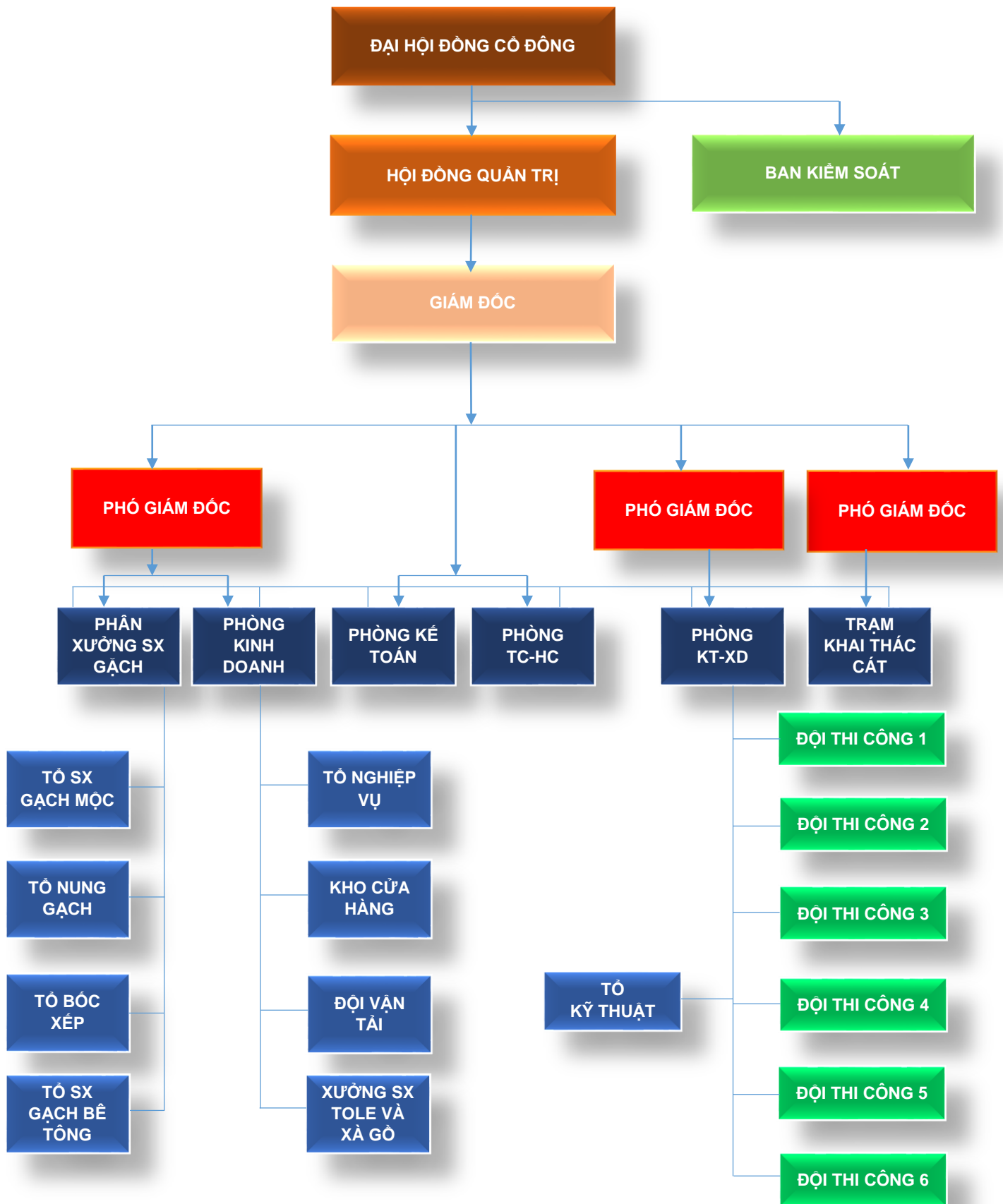
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và các mặt hàng trang trí nội thất;
- Khai thác cát sông;
- Thi công xây dựng, san lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các công trình dân dụng, công nghiệp,...

Địa bàn kinh doanh: Cung cấp vật liệu xây dựng, xây dựng công trình và kinh doanh các lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh Bến Tre





4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, BỘ MÁY QUẢN LÝ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phan Quốc Thông – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1965

Quá trình công tác:

- 1988 - 1996: Nhân viên Công ty VLXD Bến Tre
- 1996 - 1997: Phó phòng kinh doanh Công ty VLXD Bến Tre
- 1997 - 2000: Trưởng phòng kinh doanh Công ty VLXD Bến Tre
- 2000 – 2004: Phó giám đốc Công ty VLXD Bến Tre
- 2004 – 04/2013: Phó chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc CTCP VLXD Bến Tre
- 05/2013- nay: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc CTCP VLXD Bến Tre

Số lượng cổ phần nắm giữ: 755.896 cổ phần

- Cá nhân: 67.565 cổ phần
- Đại diện: 688.331 cổ phần

Ông Nguyễn Thanh Huy – Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc

Năm sinh: 1970

Quá trình công tác:

- 1992 - 1996: Nhân viên Công ty VLXD Bến Tre
- 1996 – 1999: Nhân viên Đại lý Xi măng Hà Tiên 2 – Trần Anh Kiến Bến Tre
- 1999 – 2000: Nhân viên Công ty VLXD Bến Tre
- 2000 – 2010: Phó phòng Kinh doanh Công ty VLXD Bến Tre
- 2010 – 05/2013: Trưởng đại diện Công ty Kềm Nghĩa tại Bến Tre
- 05/2013 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc CTCP VLXD Bến Tre

Số lượng cổ phần nắm giữ: 556.984 cổ phần

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 556.984 cổ phần

**Ông Lê Đình Nhiên – Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 1962

Quá trình công tác:

- 1979 - 1981: Nhân viên Đoàn Dầu khí Cửu Long
- 1981 – 1996: Phó phòng Kinh doanh Công ty VLXD Bến Tre
- 1996 – 02/2015: Chủ Doanh nghiệp Nam Anh

Thành viên HĐQT CTCP VLXD Bến Tre

Số lượng cổ phần nắm giữ: 59.937 cổ phần

- Cá nhân: 59.937 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần

Ông Phan Trọng Tài – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1959

Quá trình công tác:

- 1982 - 1990: Cán bộ kỹ thuật Sở Giao thông Vận tải Long An
- 1996 – 2000: Giám đốc Công ty TNHH XD VTTM Thanh Mỹ
- 2001 – nay: Giám đốc Công ty TNHH Mai Phan

Số lượng cổ phần nắm giữ: 135.348 cổ phần

- Cá nhân: 135.348 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần

Bà Mai Thị Thanh Thủy – Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1981

Quá trình công tác:

- 2007 đến nay: Chuyên viên tư vấn Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Số lượng cổ phần nắm giữ: 769.311 cổ phần

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 769.311 cổ phần

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Phan Quốc Thông – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc

Ông Nguyễn Thanh Huy – TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Hoài Yên – PGĐ

Năm sinh: 1975

Quá trình công tác:

- 1999 – 2000: Nhân viên Công ty Phát triển Nhà Quận 2 – Tp. Hồ Chí Minh
- 2000 – 2004: Tư vấn giám sát TT Tư vấn Xây dựng Bến Tre (Sở xây dựng)
- 2004 – 2006: Tổ trưởng tổ Giám sát BQLDA chuyên ngành xây dựng Bến Tre
- 2006 – 05/2013: Trưởng phòng KTXD CTCP VLXD Bến Tre
- 05/2013 – nay: Phó Giám đốc CTCP VLXD Bến Tre

Số lượng cổ phần nắm giữ: 3.543 cổ phần

- Cá nhân: 3.543 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần

Ông Lê Quốc Cường – PGĐ

Năm sinh: 1976

Quá trình công tác:

- 1993 – 1998: Nhân viên Công ty VLXD Bến Tre
- 1998 – 2003: Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- 2003 – 2004: Trạm phó trạm Khai thác cát Công ty VLXD Bến Tre
- 2004 – 05/2013: Trạm phó trạm Khai thác cát CTCP VLXD Bến Tre
- 05/2013 – nay: Phó Giám đốc CTCP VLXD Bến Tre

Số lượng cổ phần nắm giữ: 39.502 cổ phần

- Cá nhân: 39.502 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần

Ông Phan Tấn Mỹ – KTT

Năm sinh: 1961

Quá trình công tác:

- 1978 – 1981: Cán bộ đại đội Xí nghiệp Khai thác đá Tây Ninh – Tổng đội TNXP Bến Tre
- 1981 – 1982: Nhân viên Kế toán Ty Giao thông vận tải
- 1982 – 1999: Kế toán trưởng Xí nghiệp đóng tàu (sau đổi thành Xí nghiệp Cơ khí Giao thông)
- 2004 – 04/2014: Phó giám đốc CTCP Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre
- 04/2015 – nay: Kế toán trưởng CTCP VLXD Bến Tre thay cho Bà Lê Thị Nguyệt Phượng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

- Cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần



BAN KIỂM SOÁT

Ông Võ Bá Trắc – Trưởng BKS

Năm sinh: 1963

Quá trình công tác:

- 1984 – 1996: Kế toán trưởng Công ty thương nghiệp Giồng Trôm
- 1996 – 2000: Phó giám đốc Xí nghiệp Muối I ốt Bến Tre
- 2001 – 01/2015: Nhân viên Phòng kinh doanh CTCP VLXD Bến Tre

Số lượng cổ phần nắm giữ:
9.800 cổ phần

- Cá nhân: : 9.800 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần

Ông Lê Xuân Lâm – TV BKS

Năm sinh: 1948

Quá trình công tác:

- 1964 – 1966: Du kích An ninh Huyện
- 1967 – 1969: VP Huyện ủy
- 1970 – 1075: Quân Báo
- 1976 – 2003: Thượng tá Công An Bến Tre
- 2003 – nay: Hưu trí, TV BKS CTCP VLXD Bến Tre

Số lượng cổ phần nắm giữ:
28.968 cổ phần

- Cá nhân: 28.968 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần

Ông Huỳnh Hữu Phúc – TV BKS

Năm sinh: 1972

Quá trình công tác:

- 1998 – 2003: Kế toán Công ty Du lịch Bến Tre
- 2003 – nay: Kế toán DNTN Nguyễn Huỳnh, TV BKS CTCP VLXD Bến Tre

Số lượng cổ phần nắm giữ:
14.730 cổ phần

- Cá nhân: 14.730 cổ phần
- Đại diện: 0 cổ phần

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp trong ngành vật liệu xây dựng có quy mô và doanh thu hàng đầu tại Bến Tre và Đồng bằng Sông Cửu Long. Đảm bảo các hoạt động SXKD hiện có ổn định, tạo nền tảng tăng trưởng bền vững trong tương lai. Nắm bắt thời cơ, đầu tư mở rộng hoạt động Công ty sang các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực VLXD và thi công xây dựng.

Sứ mệnh

Cung cấp những sản phẩm chất lượng, giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu cho thị trường. Xây dựng công trình trọng điểm tại địa phương, góp phần cải thiện đất nước, mang lại tầm vóc mới cho tỉnh Bến Tre. Thực hiện liên doanh, liên kết để phát triển ra thị trường khu vực, tăng doanh thu, tạo điều kiện tăng cường lợi nhuận, mang lại giá trị cho cổ đông.

Giá trị cốt lõi

Đồng tâm hiệp lực

Cần trọng vững vàng

Phát triển cộng đồng

Hướng tới tương lai



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận của công ty, tạo niềm tin cho cổ đông hiện hữu, làm tiền đề thu hút vốn đầu tư của cổ đông mới.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ thương hiệu, uy tín của doanh nghiệp trong khu vực, hướng đến mở rộng kinh doanh ra thị trường Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- Nghiên cứu, phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh mới phù hợp với năng lực nội tại của công ty nhằm mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển tầm vóc công ty.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Về môi trường

Kiểm soát chặt chẽ đầu vào lẫn đầu ra của các sản phẩm, không kinh doanh các sản phẩm có yếu tố gây hại đến sức khỏe con người. Quản lý thi công công trình, không để xảy ra trường hợp thất thoát nguyên vật liệu, phế phẩm ra môi trường.

Nghiên cứu cải tiến trang thiết bị nhằm hạn chế tối đa các chất thải độc hại trong quá trình sản xuất; đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe người lao động.

Công tác phòng cháy chữa cháy được đảm bảo, nhằm bảo vệ an toàn cho hàng hóa lẫn con người.

Tích cực cùng Đoàn thanh niên phát động các phong trào vệ sinh khu vực lao động, các hoạt động bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.



Với cán bộ công nhân viên

Cán bộ công nhân viên là người trực tiếp tham gia vận hành quy trình sản xuất sản phẩm và thi công công trình của công ty; vì vậy, để đảm bảo hoạt động, công ty cần tạo được sự gắn bó với người lao động.

Chính sách lương thưởng, chăm lo sức khỏe, đời sống của người lao động được xây dựng thành bộ quy chế nhằm có sự minh bạch và đảm bảo tính công bằng cho từng cán bộ nhân viên công ty.

Với xã hội cộng đồng: VXB đặt mục tiêu tham gia đầy đủ các chương trình xã hội do địa phương thực hiện.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Trong tương lai gần: thực hiện hiệu quả việc cung cấp vật liệu cho các công trình trọng điểm trong địa bàn Tỉnh Bến Tre nhằm củng cố thương hiệu của doanh nghiệp, tạo được uy tín với địa phương.
- Trong dài hạn: mở rộng địa bàn kinh doanh ra các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, chính sách sản phẩm chất lượng sẽ vẫn là chiến lược then chốt và chủ đạo của công ty.





6. CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Năm 2015, nền kinh tế Việt Nam cho thấy nhiều dấu hiệu tích cực, tất cả các chỉ số kinh tế vĩ mô đều cho thấy sự tăng trưởng nhất định. GDP năm 2015 tăng 6,68% so với năm 2014, đây là tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với bình quân cả năm 2014, là mức tăng thấp nhất trong 14 năm gần đây và thấp hơn nhiều so với mục tiêu CPI tăng 5%. Chỉ số lạm phát cơ bản tăng 2,05% so với cùng kỳ năm trước. Lãi suất ngân hàng cũng được điều chỉnh giảm và duy trì ổn định làm giảm nhẹ gánh nặng chi phí tài chính cho doanh nghiệp. Nhìn chung, kinh tế vĩ mô ổn định đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của công ty trong năm.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn đến kết quả kinh doanh của công ty.

Rủi ro về luật pháp

Có thể nói năm 2015 là một năm thay đổi toàn diện trong hệ thống pháp luật Việt Nam khi hầu hết các Luật và bộ luật đều được đổi mới. Trong đó, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán là hai luật có tác động trực tiếp đến việc tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty. Trong năm, VXB đã cập nhật kịp thời các thay đổi trên, áp dụng vào việc tổ chức hoạt động của công ty, đảm bảo hoạt động của công ty được vận hành đúng theo quy định của pháp luật.

Rủi ro đặc thù ngành

Kinh doanh mặt hàng vật liệu xây dựng vì vậy, đối với một số mặt hàng như xi măng, sắt, thép hay cát, đá, ... thì đầu vào cũng đồng thời là đầu ra của công ty. Giá cả các sản phẩm trên biến động theo tình hình chung của thị trường. Vì vậy, công ty sẽ chịu thiệt hại nếu hàng hóa được nhập vào trong thời điểm giá cao và bán ra khi thị trường sụt giảm. Rủi ro nguyên liệu đầu vào yêu cầu công ty xây dựng chính sách quản lý hàng tồn kho hiệu quả.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

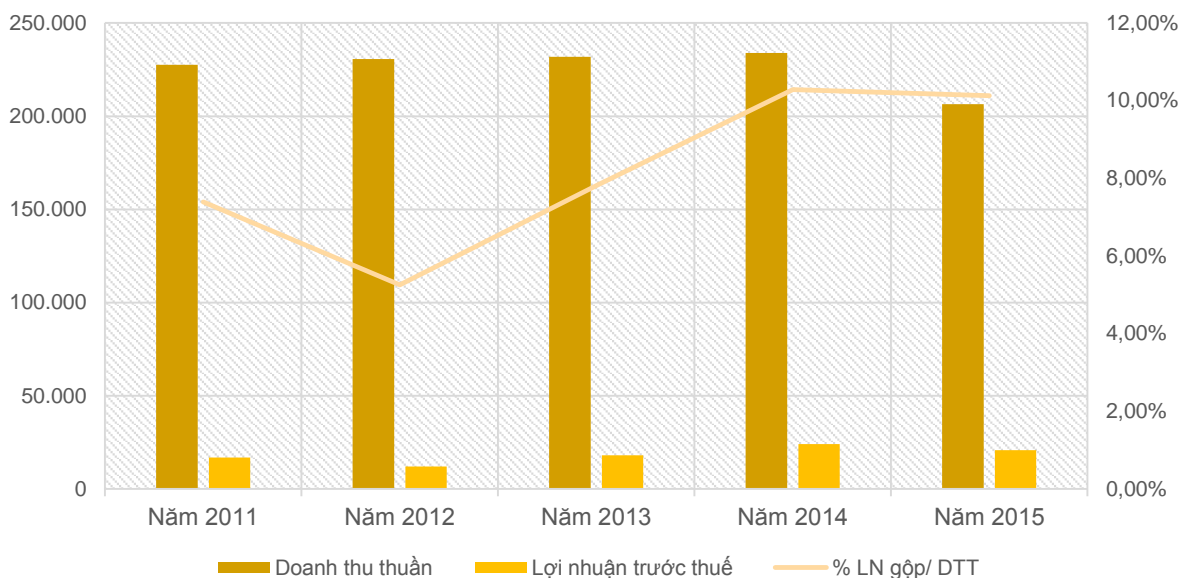
1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT
2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
4. TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG
5. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2011 - 2015

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Doanh thu thuần	Tr. đồng	227.594	230.709	231.791	233.864	206.467
Lợi nhuận gộp	Tr. đồng	16.817	12.125	18.113	24.049	20.909
% LN gộp/ DTT	Tr. đồng	7,39%	5,26%	7,81%	10,28%	10,13%

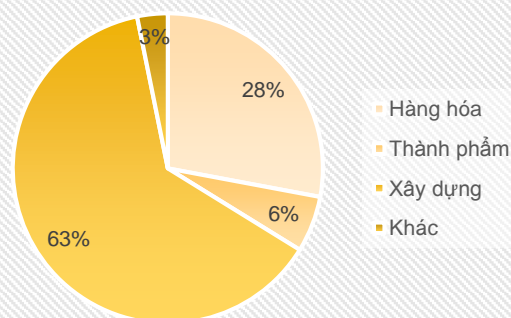


Kết quả kinh doanh năm 2015

Cơ cấu doanh thu thuần

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	TH 2015/2014
Hàng hóa	Tr. đồng	59.592	57.707	97%
Thành phẩm	Tr. đồng	16.852	12.080	72%
Xây dựng	Tr. đồng	145.215	130.111	90%
Khác	Tr. đồng	12.205	6.568	54%
Doanh thu thuần	Tr.đồng	233.864	206.466	88%

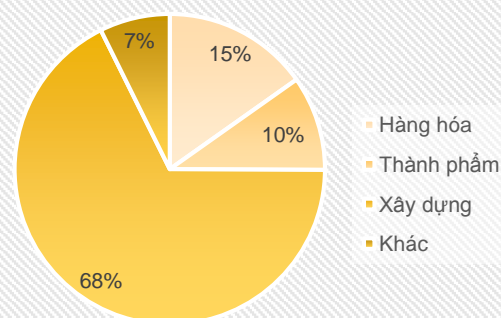
Cơ cấu DTT năm 2015



Cơ cấu lợi nhuận gộp

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	TH 2015/2014
Hàng hóa	Tr. đồng	1.040	3.179	306%
Thành phẩm	Tr. đồng	1.374	2.064	150%
Xây dựng	Tr. đồng	16.772	14.133	84%
Khác	Tr. đồng	2.535	1.533	60%
Lợi nhuận gộp	Tr.đồng	21.721	20.909	96%

Cơ cấu lợi nhuận năm 2015



Tình hình sản xuất so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	% TH/KH
Nhóm sản xuất				
<i>Tình hình sản xuất</i>				
Gạch xây dựng thành phẩm	viên	1.600.000	1.054.600	66%
Gạch terazzo thành phẩm	m ²	23.000	17.496,57	76%
Tole, xà gồ	m	28.500	24.662,89	87%
<i>Tình hình tiêu thụ</i>				
Gạch xây dựng thành phẩm	viên	1.600.000	1.125.270	70%
Gạch terazzo thành phẩm	m ²	23.000	21.592,352	94%
Tole, xà gồ	m	28.500	24.662,89	87%
Nhóm thương mại				
<i>Tình hình mua vào</i>				
Xi măng	tấn	50.000	38.297,25	77%
Cát xây dựng	m ³	21.000	21.191,7	101%
Đá	m ³	26.000	31.445,26	121%
Thép các loại	tấn	1.100	1.230	112%
<i>Tình hình tiêu thụ</i>				
Xi măng	tấn	50.634	38.872,55	77%
Cát	m ³	21.300	21.288,6	100%
Đá	m ³	26.100	31.604,71	121%
Thép các loại	tấn	1.100	1.239	112%

Sản phẩm kinh doanh hiện tại của VXB là các mặt hàng phục vụ xây dựng, bao gồm xi măng, cát, đá, thép các loại, gạch các loại, tole và xà gồ. Có thể chia các mặt hàng kinh doanh của VXB thành 02 nhóm chính là nhóm thương mại và nhóm sản xuất. Trong đó, đối với mặt hàng vật liệu xây dựng công ty chỉ làm công tác thương mại, đối với gạch các loại, tole và xà gồ công ty triển khai trực tiếp từ khâu sản xuất đến khâu thành phẩm.

Trong năm 2015, tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của VXB có thể tóm tắt như sau:

Đối với nhóm hàng hóa sản xuất: VXB hiện đang sản xuất 03 nhóm hàng hóa chủ yếu là gạch xây dựng thành phẩm, gạch teazzo thành phẩm, tole và xà gồ. Giá trị sản xuất các mặt hàng trên trong năm đạt bình quân đạt 80% kế hoạch đề ra.

Đối với hàng hóa thương mại: Hoạt động mua vào và bán ra đều hoàn thành vượt kế hoạch. Trong đó, mặt hàng cát xây dựng đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch tiêu thụ, đá các loại mua vào trên 31,4 nghìn m³ so với kế hoạch là 26 nghìn m³, khả năng tiêu thụ cũng đạt trên 31,6 nghìn m³ so với kế hoạch là 26,1 nghìn m³ tăng tương đương 21%. Thép các loại được công ty đặt chỉ tiêu mua vào và tiêu thụ 1.100 tấn, kết quả kinh doanh mặt hàng này đạt trên 1.200 tấn tăng 12% so với kế hoạch đề ra. Riêng mặt hàng xi măng công ty đặt kế hoạch mua vào 50 nghìn tấn và tiêu thụ 50,6 nghìn tấn nhưng kết quả thực hiện chỉ đạt 77% kế hoạch.



2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Mỹ Thạnh An được VXB khởi công xây dựng vào tháng 10 năm 2010, cùng thời điểm chào mừng Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ IX. Đến nay, về cơ bản sang nhượng chuyển quyền sử dụng đất được 96% diện tích dự án, một số hạng mục công trình như chợ, trạm xử lý nước thải vì một số lý do khách quan nên chưa hoàn tất theo đúng tiến độ. Tình hình sang nhượng các lô trong dự án đến nay như sau:

- **Lô tái bố trí**
 - Tổng số lô được UBND TP. Bến Tre phê duyệt là 66 lô
 - Đăng ký lập thủ tục chuyển QSDĐ 65/66 lô
- **Lô tái định cư**
 - Tổng số lô được UBND TP. Bến Tre phê duyệt là 106 lô
 - Đã bố trí 94/106 lô
- **Lô kinh doanh**
 - Nhà phố:
 - Tổng số lô được UBND TP. Bến Tre phê duyệt là 120 lô
 - Đăng ký lập thủ tục chuyển QSDĐ 120/120 lô
 - Thương mại: Đăng ký lập thủ tục chuyển QSDĐ 65/65 lô

Nội dung	Đvt	Theo dự án	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015
Vốn đầu tư	Nghìn đồng	96.000.000	-	-
Doanh thu	Nghìn đồng	108.000.000	10.463.562	4.240.760
Chi phí	Nghìn đồng	96.000.000	6.702.943	3.877.250
Lợi nhuận trước thuế	Nghìn đồng	12.000.000	3.760.619	363.510



3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

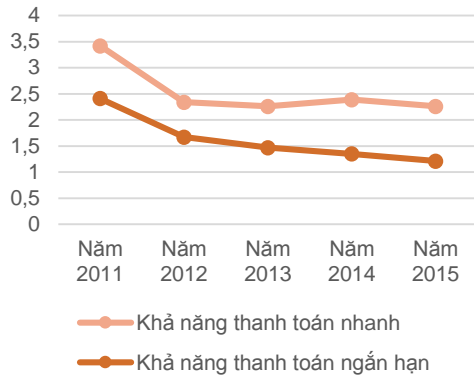
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	2015/2014
Tổng tài sản	Triệu đồng	174.643	176.308	101%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	233.864	206.467	88%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	8.711	5.626	65%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	2.640	1.898	72%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.351	7.525	66%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.795	5.837	66%
Tỷ lệ cổ tức	%	15	12	80%
EPS	Đồng	1.852	1.229	66%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

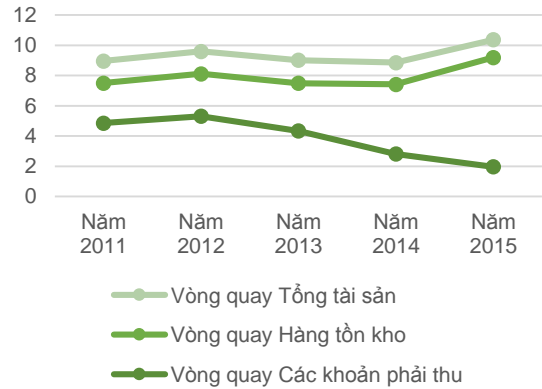
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,41	1,67	1,47	1,35	1,21
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,01	0,67	0,79	1,04	1,05
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,58	0,58	0,57	0,62	0,63
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,4	1,4	1,31	1,63	1,72
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
Vòng quay Các khoản phải thu	Vòng	4,86	5,31	4,34	2,82	1,97
Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	2,64	2,8	3,15	4,6	7,22
Vòng quay Tổng tài sản	Vòng	1,46	1,49	1,52	1,44	1,18
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	5,29	4,18	3,52	3,76	2,83
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	19,52	14,94	12,61	13,37	8,09
Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	%	7,74	6,23	5,36	5,41	3,33
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	3,95	1,18	2,09	3,72	2,73



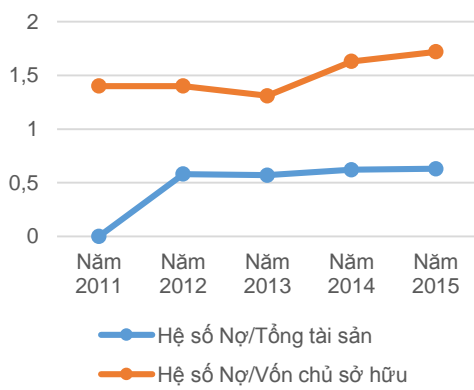
Khả năng thanh toán



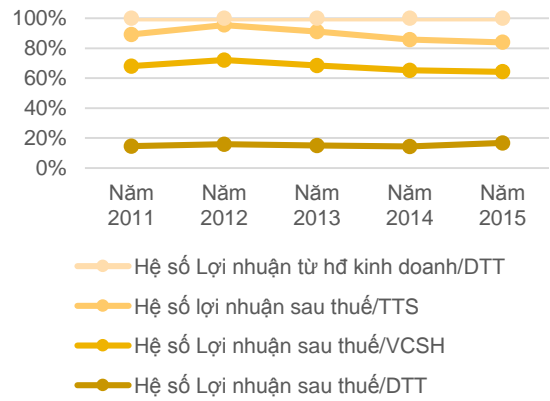
Năng lực hoạt động



Cơ cấu vốn



Khả năng sinh lời



4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**Thông tin cổ phiếu**

Vốn điều lệ: 40.490.060.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 4.049.006 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông: 4.049.006 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.049.006 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông:

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông trong nước	199	4.040.506	40.405.060	100%
Cổ đông nhà nước	1	2.014.626	20.146.260	49,76%
Cổ đông tổ chức	2	138	1.380	0,00%
Cổ đông cá nhân	196	2.025.742	20.257.420	50,03%
Cổ đông nước ngoài	1	8.500	85.000	0,21%
Cổ đông tổ chức	-	-	-	0,00%
Cổ đông cá nhân	1	8.500	85.000	0,21%
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng	200	4.049.006	40.490.060	100%

Danh sách cổ đông lớn

Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC-CÔNG TY TNHH	2.014.626	49,76%
CAO TOÀN THẮNG	295.000	7,29%
NGỖ HỮU TÀI	270.126	6,67%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có



Phát triển bền vững



5. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng giá trị nguyên vật liệu đầu vào đã sử dụng cho sản xuất trong năm 2014, 2015:

Tên vật tư	Đvt	Năm 2014		Năm 2015	
		Số lượng	Giá trị (đồng)	Số lượng	Giá trị (đồng)
Đá mi bụi	m ³	596	238.400.000	621	248.400.000
Cát vàng	m ³	141	7.050.000	370	18.500.000
Đá hạt	kg	147.270	153.013.000	123.400	128.212.000
Bột đá	kg	81.550	81.425.000	78.350	68.450.000
Bột màu	kg	2.831	110.596.000	4.429	153.520.000
Xi măng đen	kg	271.050	363.207.000	348.150	466.521.000
Xi măng trắng	kg	27.040	110.188.000	23.120	94.214.000
Đất	m ³	1.495	219.783.000	1.202	193.497.000
Trấu	kg	652.936	438.828.000	424.046	387.801.000
Tổng cộng			1.722.490.000		1.759.115.000

Trong quá trình hoạt động, VXB sử dụng các nguyên liệu từ thiên nhiên như cát vàng, đất, ...cùng một số thành phần như bộ màu, xi măng để sản xuất các sản phẩm của công ty: gạch, gạch bê tông,... đây chủ yếu là các nguyên liệu sử dụng một lần để tạo ra sản phẩm nên hầu như không có yếu tố nào được tái sử dụng. Tuy nhiên, việc sử dụng ngày càng nhiều các thành phần trên sẽ gây tác động lớn đến môi trường. Đơn cử như việc sử dụng đất sét với số lượng lớn phục vụ cho nhu cầu sản xuất gạch nung sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình nông nghiệp do lớp đất mặt đã bị khai thác, sử dụng. Quá trình sản xuất các loại xi măng, hay quá trình nghiền bột đá, bột màu sẽ tạo nhiều bụi, khí thải từ lò nung xi măng có thể

gây độc hại cho môi trường, ô nhiễm không khí trong khu vực sản xuất, về lâu dài có tác động không tốt đến sức khỏe con người.

Để hạn chế những vấn đề kể trên nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty, VXB tổ chức sản xuất có kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào, định mức nguyên vật liệu cho từng đơn vị sản phẩm. Từng tháng, công ty tổ chức kiểm tra lượng nguyên vật liệu thực tế sử dụng và định mức quy định để điều chỉnh kịp thời.

Trong năm 2015, giá trị nguyên liệu đầu vào sử dụng gia tăng là do công ty phát triển thêm sản phẩm gạch bê tông tự chèn để kịp thời cung ứng cho các công trình xây dựng.





Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng	Đvt	Năm 2014		Năm 2015	
		Số lượng	Giá trị (đồng)	Số lượng	Giá trị (đồng)
Điện	kw	18.622	34.400.000	23.400	43.300.000
Trấu	kg	652.936	438.828.000	424.046	387.801.000

Hiện tại Công ty chủ yếu sử dụng hai loại năng lượng là điện dùng để sản xuất gạch bê tông; điện và trấu dùng cho sản xuất gạch đất sét nung.

Đối với việc sử dụng năng lượng điện, VXB luôn bố trí nhân sự, máy móc hoạt động đồng bộ, liên tục để tiết kiệm; không để máy hoạt động dư công suất, các công đoạn phối hợp nhịp nhàng để tránh máy chạy không tải Việc này được thực hiện nghiêm túc từ khâu bố trí sản xuất và được kiểm tra, kiểm soát liên tục.

Đối với việc đốt trấu nung gạch đất sét, trước khi bắt đầu nung gạch phải tiến hành trình tự các khâu từ kiểm tra lò nung, chất gạch mộc đúng kỹ thuật, tỷ lệ hợp lý giữa gạch ống và gạch thẻ ... Khi nung phải thường xuyên kiểm tra nhiệt độ trong lò, thời gian nung lửa lớn, lửa nhỏ phải hợp lý để đảm bảo gạch thành phẩm đạt chất lượng (không thấp hơn tỷ lệ quy định) và tiết kiệm trấu. Sau khi nung gạch xong tiến hành thống kê, so sánh lượng trấu thực tế đưa vào nung đốt và định mức theo quy định..



Tiêu thụ nước:

Nước dùng sản xuất gạch mộc từ đất sét và gạch bê tông: 708 m³.

Giá trị sử dụng 2015: 6.130.000 đồng

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm, công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

Cơ cấu người lao động trong công ty.

Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	138	100%
Trình độ đại học, cao đẳng	37	27%
Trình độ trung cấp	8	6%
Trình độ lao động có tay nghề	65	47%
Trình độ lao động phổ thông	28	20%
Theo tính chất lao động	138	100%
Trực tiếp sản xuất	112	81%
Không trực tiếp sản xuất	26	19%

Chế độ làm việc: công ty thực hiện chế độ 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần.

Chính sách lương thưởng:

Công ty thực hiện chế độ tiền lương theo đúng quy chế tiền lương của công ty, đảm bảo cán bộ công nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận. Chế độ thưởng cho cán bộ công nhân viên được Ban lãnh đạo công ty xây dựng dựa trên kết quả kinh doanh của công ty, trình Đại hội cổ đông hằng năm quyết định mức thưởng phù hợp cho Ban lãnh đạo, cán bộ quản lý và từng cán bộ nhân viên công ty.

Các phúc lợi khác của người lao động trong công ty cũng được đảm bảo. Hằng năm, cán bộ nhân viên được tổ chức các buổi tham quan, nghỉ dưỡng, các hoạt động văn nghệ thể thao nhằm tái tạo sức lao động, đồng thời nâng cao tinh thần đoàn kết giữa nhân viên toàn công ty.

Chế độ bảo hiểm: người lao động tại VXB được đảm bảo các chế độ bảo hiểm theo đúng quy định của Nhà nước: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,...

Chính sách tuyển dụng: công ty ưu tiên tuyển dụng hoặc ký lại hợp đồng lao động với những người đã có thời gian làm việc trong công ty và con em của người lao động nếu đảm bảo được năng lực và phù hợp với yêu cầu công việc. Tùy theo mức độ đóng góp của người lao động, công ty sẽ hỗ trợ người lao động về thời gian hoặc kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng, kế hoạch của công ty, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty trong giai đoạn sắp tới.





Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Là đơn vị hoạt động trên địa bàn tỉnh Bến Tre, VXB phối hợp cùng với cơ quan địa phương cung ứng đầu vào cho các dự án hạ tầng, phục vụ cộng đồng, các dự án an sinh xã hội trong khu vực. Đồng thời cung cấp nguyên liệu ổn định, chất lượng cho các công trình và cho nhu cầu nhà ở của người dân Bến Tre.

Ban lãnh đạo công ty tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động thuận lợi và phối hợp với các đoàn thể làm tốt công tác giáo dục chính trị, phổ biến Chủ trương, Chính sách của Nhà nước cho cán bộ nhân viên, hưởng ứng thực hiện tốt các cuộc vận động Kế hoạch hóa gia đình, phòng chống HIV AIDS, ma túy, phong trào sạch và xanh... tham gia tốt các hội thi do cấp trên tổ chức.

Tiếp tục vận động và đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương cho các gia đình chính sách, thăm và tặng quà cho các gia đình cán bộ nhân viên thuộc diện chính sách nhân ngày thương binh liệt sĩ, hỗ trợ kinh phí và tặng tập vở cho các trường học ở vùng sâu, vùng xa, hưởng ứng tốt công tác góp quỹ vì trẻ thơ, tháng hành động vì người nghèo,...

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có



III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015
2. VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
3. VỀ NHỮNG CẢI CÁCH QUẢN LÝ TRONG NĂM
4. KẾ HOẠCH NĂM 2016
5. VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	2015/2014
Tổng tài sản	Triệu đồng	174.643	176.308	101%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	233.864	206.467	88%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	8.711	5.626	65%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	2.640	1.898	72%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.351	7.525	66%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	8.795	5.837	66%
Tỷ lệ cổ tức	%	15	12	80%
EPS	Đồng	1.852	1.229	66%

Tổng tài sản năm 2015 tăng nhẹ so với năm 2014 từ 174 tỷ lên 176 tỷ do trong năm công ty đầu tư mới một số phương tiện vận tải phục vụ cho hoạt động của công ty.

Doanh thu thuần năm 2015 đạt hơn 206 tỷ đồng, tương đương 88% doanh thu thuần của cùng kỳ năm 2014, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 5,6 tỷ tương đương 65% kết quả của năm trước. Khoản lợi nhuận khác phát sinh không nhiều.

Tổng kết lợi nhuận sau thuế năm 2015 của công ty đạt 5,8 tỷ đồng tương đương 66% năm 2014.

Kết quả nêu trên là sự cố gắng của tập thể lãnh đạo cũng như cán bộ nhân viên VXB trong bối cảnh thị trường xây dựng năm 2015 chưa thật sự ổn định, ngành bất động sản mới dần ấm lại, cũng như tính cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt. Để đạt được kết quả trên phải kể đến các yếu tố sau:



Thuận lợi

- Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, phong trào Đồng Khởi mới ... làm tăng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu vực, đã tạo ra những thuận lợi nhất định đối với sự hoạt động và phát triển của các doanh nghiệp trong năm qua.
- Địa phương tăng thực hiện các hạng mục, công trình xây dựng nhằm cải tạo cơ sở hạ tầng, qua đó cung cấp đầu ra hiệu quả cho sản phẩm của công ty.
- Đảm bảo uy tín với khách hàng, với đối tác, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, hoạt động một cách có trách nhiệm với xã hội ... tạo được thương hiệu và là địa chỉ đáng tin cậy của cơ quan chính quyền, chủ đầu tư, đối tác và khách hàng.
- Ban Lãnh đạo Công ty thường xuyên theo dõi sát tình hình từ công tác nội bộ đến công tác đối ngoại; kịp thời có những sự chỉ đạo hướng giải quyết, biện pháp thực hiện từng sự việc tại từng thời điểm nhằm mục tiêu đảm bảo kinh doanh có lãi và bảo toàn nguồn vốn.

Khó khăn

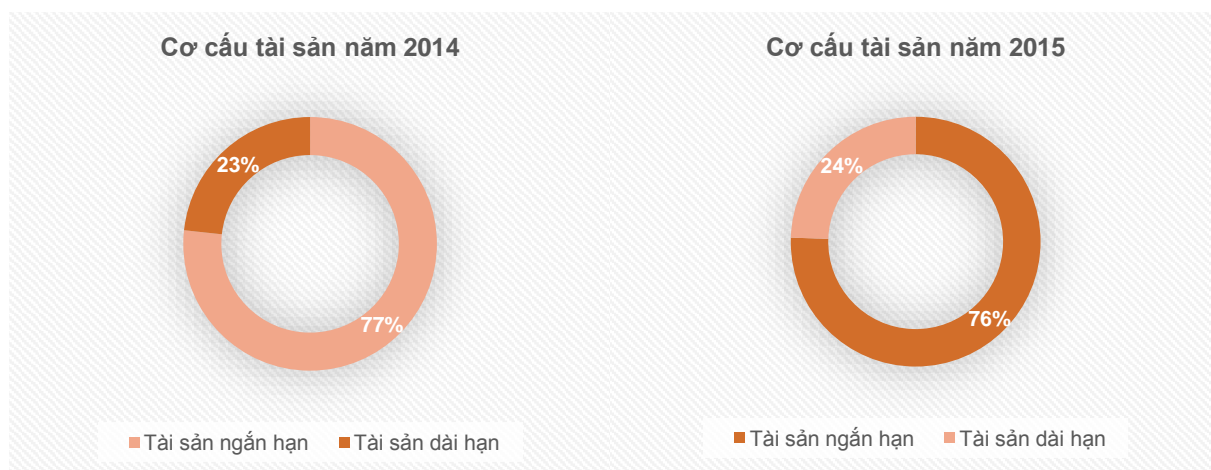
- Thị trường bất động sản, xây dựng có nhiều khởi sắc nhưng cũng phát sinh nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo gây áp lực đối với các doanh nghiệp. Nhất là sự cạnh tranh diễn ra gay gắt trên nhiều lĩnh vực, nhiều phương thức ... nên đã ảnh hưởng đến tính hiệu quả của các doanh nghiệp.
- Chính sách cắt giảm đầu tư công của Nhà nước; sự thay đổi về chính sách thuế, phí đối với hoạt động khai thác khoáng sản; lãi suất cho vay của ngân hàng vẫn còn cao; tình hình giải ngân vốn các công trình chậm; v.v... đã ảnh hưởng đến hiệu quả một số lĩnh vực hoạt động của đơn vị.
- Trong nội bộ đơn vị thì sự phối hợp giữa các phòng ban vẫn còn những hạn chế về tính liên thông, kế thừa giữa các khâu chưa được phát huy và tận dụng một cách hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Hai mỏ cát mà công ty đang khai thác trong năm đã hết hạn phải ngưng khai thác cũng là một yếu tố gây bất lợi đến kết quả kinh doanh của công ty năm qua.



2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2014	Tỷ trọng/TTS	Năm 2015	Tỷ trọng/TTS	2015/2014
Tài sản ngắn hạn	133.978	76,72%	133.132	75,51%	99,37%
Tiền và các khoản tương đương	10.043	5,75%	7.466	4,23%	74,34%
Các khoản phải thu ngắn hạn	102.073	58,45%	108.075	61,30%	105,88%
Hàng tồn kho	21.862	12,52%	17.591	9,98%	80,46%
Tài sản dài hạn	40.664	23,28%	43.177	24,49%	106,18%
Tài sản cố định	13.855	7,93%	15.733	8,92%	113,55%
Bất động sản đầu tư	13.848	7,93%	13.848	7,85%	100,00%
Tài sản dở dang dài hạn	12.239	7,01%	12.348	7,00%	100,89%
Tài sản dài hạn khác	722	0,41%	1248	0,71%	172,85%
Tổng tài sản	174.642	100%	176.309	100%	100,95%



Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2014	Tỷ trọng/TTS	Năm 2015	Tỷ trọng/TTS	2015/2014
Nợ ngắn hạn	108.190	61,95%	109.639	62,19%	101,34%
Phải trả người bán	9.853	5,64%	8.126	4,61%	82,47%
Người mua trả tiền trước	2338	1,34%	3.473	1,97%	148,55%
Thuế và các khoản phải nộp	6.551	3,75%	5.079	2,88%	77,53%
Phải trả người lao động	3.961	2,27%	1.479	0,84%	37,34%
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.537	2,60%	4.537	2,57%	100%
Phải trả khác	11.498	6,58%	13.212	7,49%	114,91%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	68.954	39,48%	73.663	41,78%	106,83%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	498	0,29%	70	0,04%	14,06%
Nợ dài hạn	-	-	1.954	1,11%	-
Vay và thuê tài chính dài hạn	-	-	1.954	1,11%	-
Nợ phải trả	108.190	61,95%	111.593	63,29%	103,15%

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Quản lý hàng tồn kho linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cung cấp cho các công trình đang thi công và nhu cầu kinh doanh của công ty.
- Chính sách linh hoạt trong khâu tổ chức sản xuất, bắt kịp nhu cầu của thị trường. Với việc triển khai giai đoạn 2 hạ tầng Khu công nghiệp Giao Long của huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre khiến nhu cầu sử dụng gạch bê tông tự chèn tăng cao nhưng khả năng cung cấp của thị trường chưa đáp ứng. Ban điều hành nhanh chóng chỉ đạo tổ chức sản xuất tập trung vào sản phẩm này nhằm đáp ứng nhu cầu của địa phương, tăng doanh thu cho công ty.
- Tổ chức đánh giá việc phối hợp giữa các đơn vị, phòng ban trong công ty, rút kinh nghiệm kịp thời những tồn đọng trong khâu phối hợp giữa kho hàng, đơn vị thi công, bộ phận vận tải hàng hóa, nhanh chóng khắc phục việc thiếu nguyên vật liệu trong quá trình thi công.
- Công tác tài chính linh hoạt, đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động của công ty. Công tác tổ chức ghi chép sổ sách kế toán rõ ràng, minh bạch.
- Ban lãnh đạo công ty tạo được mối quan hệ tốt với các cơ quan ban ngành địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức khai thác các công trình trong khu vực, cũng như thuận lợi trong sản xuất kinh doanh của công ty.





4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2015	TH năm 2015	KH năm 2016
Tổng doanh thu	1.000đ	250.900.000	209.034.680	228.000.000
Tổng chi phí	1.000đ	239.500.000	201.509.993	219.900.000
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000đ	11.400.000	7.524.687	8.100.000
Số phải nộp ngân sách	1.000đ	16.038.841	13.312.910	13.661.000

Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng

Công ty xác định tình hình thị trường năm 2016 sẽ diễn ra sôi động và cạnh tranh quyết liệt không chỉ giữa các nhà phân phối với nhau mà sẽ phát sinh thêm sự cạnh tranh, ràng buộc chỉ tiêu với các nhà phân phối nhằm gia tăng thị phần của các nhà sản xuất, nhất là mặt hàng xi măng. Do đó, nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, VXB cần thực hiện các nội dung công việc sau:

- Tiến hành hoàn thiện các chính sách phù hợp (áp dụng cho đại lý, thầu thợ, đơn vị thi công, nhà dân ...) nhằm tăng cường thâm nhập vào các phân khúc mà thị trường và thị phần còn hạn chế.
- Chú trọng đến công tác lập kế hoạch mua bán, dự trữ hàng hóa hợp lý theo từng thời điểm để ứng phó với sự biến động về giá cả, nguồn cung hàng hóa và đảm bảo có đủ số lượng, chủng loại và thời gian giao hàng cho các công trình xây dựng, cho các đại lý và cho thị trường v.v...
- Rà soát và chấn chỉnh có chiều sâu ở tất cả các khâu, các bước để đảm các nhu cầu của thị trường, của khách hàng phải được đáp ứng kịp thời và đầy đủ. Trong quá trình luân chuyển

hàng hóa phải được diễn ra liên tục, xuyên suốt và không bị ách tắc ở bất kỳ khâu nào.

Chú trọng hơn nữa việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ vấn đề điều động và phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các bộ phận, các khâu để đảm bảo công việc luôn được phối hợp thực hiện nhịp nhàng, hợp lý và có hiệu quả.

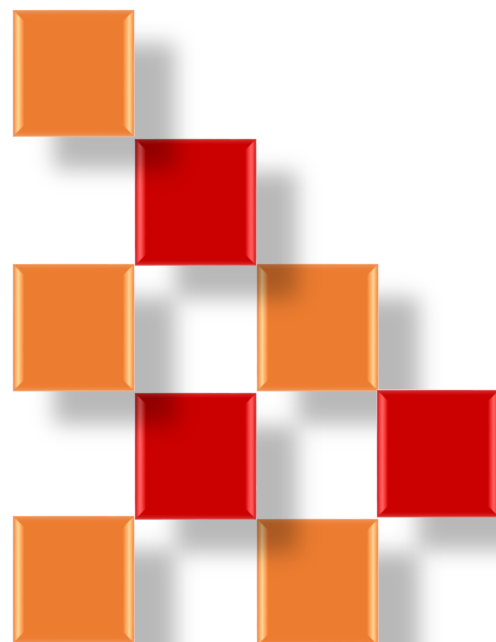
Kiểm tra việc thực hiện qui trình, qui chế phối hợp làm việc giữa các khâu như nghiệp vụ, điều động, kho bãi, phương tiện ... định kỳ phân tích đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp thực tế nhằm thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất và phát huy hiệu quả một cách tối ưu.

Các nhiệm vụ của kế hoạch năm 2016 phải được thực hiện nghiêm túc và từng thời điểm có sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện để đánh giá, phân tích đề ra giải pháp khắc phục khuyết điểm hay tăng cường phát huy các ưu điểm nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Số liệu kế hoạch năm 2016: Doanh thu bán ra là 65,5 tỷ đồng - tăng 14%, lợi nhuận trước thuế là 811,9 triệu đồng - tăng 34% với thực hiện năm 2015. Nếu so sánh với thực hiện năm 2014 thì tổng doanh thu tăng 10% và lợi nhuận trước thuế tăng 3,6 lần.

Hoạt động thi công san lấp, xây dựng

- Kế hoạch sử dụng vật tư của các công trình sẽ được xây dựng định kỳ và đột xuất sát theo tiến độ thi công.
- Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận để lập kế hoạch sử dụng vật tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm đề phòng việc dự trữ vật tư tại các thời điểm biến động giá đầu vào. Việc làm này không những tạo sự chủ động trong việc cung cấp vật tư mà còn hạn chế sự phát sinh tăng giá vật tư của các công trình.
- Cải thiện công tác quyết toán nội bộ, quyết toán với chủ đầu tư ... thường xuyên liên hệ với các bên có liên quan để rút ngắn thời gian giải ngân, quyết toán các công trình.
- Các phân xưởng sản xuất cần linh động, chủ động hơn trong việc đề xuất, lập kế hoạch sản xuất (gạch nung, gạch terrazzo, tole & xà gồ) để giao cho công trình thi công đúng tiến độ.
- **Số liệu kế hoạch năm 2016:** Doanh thu xây dựng là 142 tỷ đồng - tăng 9%, lợi nhuận trước thuế là 5,97 tỷ đồng - tăng 4% với thực hiện năm 2015. Nếu so sánh với thực hiện năm 2014 thì tổng doanh thu bằng 98% và lợi nhuận trước thuế bằng 49%.

Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Mỹ Thạnh An

Đơn vị sẽ đơn đốc, nhắc nhở các đội thi công, các bộ phận tập trung thực hiện hoàn tất các công việc còn lại như:

- Lập thủ tục và triển khai thi công các hạng mục còn lại: Trạm xử lý nước, Xây dựng chợ.
- Kế hoạch kinh doanh các lô nền còn lại trong năm 2015: Dự kiến trong năm 2016 sẽ sang nhượng 100% diện tích các lô nền còn lại.
- **Số liệu kế hoạch năm 2016:** Doanh thu thực hiện: 3,9 tỷ đồng - đạt 93%, lợi nhuận trước thuế: 280 triệu đồng - đạt 77% so với thực hiện năm 2015.



Hoạt động khai thác cát

- Tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh các qui định về hoạt động khai thác khoáng sản, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và chính quyền địa phương. Nộp đầy đủ các loại thuế, phí liên quan đến hoạt động khai thác cát; ký quỹ bảo vệ phục hồi môi trường và nộp đầy đủ tiền ký quỹ theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo định kỳ tháng, quý, năm đúng qui định và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
- Tuân thủ việc khai thác đúng theo tọa độ, biên giới khai trường, thời gian khai thác, sản lượng khai thác ... đúng theo giấy phép đã được cấp và tuân thủ đầy đủ các qui định về an toàn giao thông đường thủy nội địa tại khu vực khai thác.
- Tiếp tục tận dụng các lợi thế về uy tín, giao hàng đúng số lượng và chất lượng, nguồn gốc xuất xứ hàng hóa chứng từ đầy đủ, hợp lệ ... để đẩy mạnh, nâng cao tính hiệu quả của hoạt động này.
- Chuẩn bị các bước để đã tiến hành xin gia hạn thời gian khai thác cát tại 02 mỏ cát Tiên Thủy - An Hiệp, An Hiệp - Sơn Hòa để đảm bảo năm 2016 còn được quyền khai thác cát tại 04 mỏ (Phụng Châu, Tiên Thủy - An Hiệp, An Hiệp - Sơn Hòa và Vĩnh Bình).
- Việc triển khai áp dụng tính tiền quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên tăng, các loại thuế, phí khác ... đối với hoạt động khai thác khoáng sản, nên đơn vị sẽ tăng cường tính tự chủ, linh động trong từng thời điểm và thường xuyên theo dõi, bám sát tình hình thị trường, việc áp dụng các chính sách của nhà nước với hoạt động khai thác cát để có sự chỉ đạo kịp thời trong từng tình hình cụ thể chủ động nắm bắt sự thay đổi các chính sách, chủ trương của Nhà nước để đảm bảo tính hiệu quả của hoạt động khai thác cát.
- Số liệu kế hoạch năm 2016: Doanh thu là 9 tỷ đồng - bằng 90%, lợi nhuận trước thuế là 570 triệu đồng – bằng 96% với thực hiện năm 2015. Nếu so sánh với thực hiện năm 2014 thì doanh thu bằng 62% và lợi nhuận trước thuế vượt 37%.



Hoạt động sản xuất VLXD

- Phương hướng hoạt động chung của hoạt động này trong thời gian tới là tiếp tục duy trì các ưu thế, các điểm mạnh, các mặt tích cực và đồng thời tiến hành rà soát, kiểm tra, chấn chỉnh lại các mặt còn hạn chế, các nguyên nhân làm tăng chi phí sản xuất.
- Trong quá trình sản xuất, các phòng ban, bộ phận, phân xưởng lập kế hoạch phối hợp làm việc trong tất cả các khâu, các công đoạn để quá trình sản xuất được diễn ra liên tục từ khâu nhập nguyên vật liệu đầu vào đến thực hiện sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- Nhìn chung, để thực hiện đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 thì từng thời điểm sẽ có sự tổng hợp, phân tích, đánh giá và lập kế hoạch, phương hướng thực hiện hoặc giải quyết từng vấn đề phát sinh. Ban Lãnh đạo sẽ thường xuyên quan tâm, theo sát tình hình để có những sự chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn giúp hoạt động này hoàn thành kế hoạch đề ra.
- **Số liệu kế hoạch năm 2016:** Doanh thu bán ra là 2,060 tỷ đồng - bằng 97%, lợi nhuận trước thuế là 173 triệu đồng - tăng 96% với thực hiện năm 2015. Nếu so sánh với thực hiện năm 2014 thì doanh thu bằng 89% và lợi nhuận trước thuế bằng 76%.

❖ Sản xuất gạch nung:

- Trong thời gian chờ chủ trương của tỉnh về lộ trình và thời gian cụ thể sử dụng gạch không nung và trong thời gian đơn vị lựa chọn hình thức, công nghệ sản xuất phù hợp với chủ trương chung, phù hợp với nhu cầu thị trường để thay thế gạch nung thì hoạt động sản xuất gạch nung chủ yếu vẫn là để giải quyết việc làm cho lực lượng lao động tại phân xưởng, sản xuất chủ yếu là để cung cấp cho các công trình xây dựng đang sử dụng dở dang gạch nung và giải quyết dứt điểm lượng hàng hóa tồn kho.
- Trong thời gian tới, tùy theo diễn biến nhu cầu thị trường, chủ trương chung của Nhà nước ... đơn vị sẽ có kế hoạch đầu tư chuyển đổi dây chuyền và công nghệ sản xuất gạch không nung để thay thế cho hoạt động sản xuất gạch nung truyền thống.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguyên vật liệu, tăng cường duy tu bảo dưỡng để hạn chế chi phí sửa chữa ... đồng thời tiến hành kiểm tra và chỉnh sửa kỹ thuật sản xuất để gạch nung sản xuất phải đạt yêu cầu chất lượng và tiết kiệm nguyên vật liệu nhằm hạ giá thành sản xuất và thực hiện đúng các mục tiêu kế hoạch đề ra.
- **Số liệu kế hoạch năm 2016:** Doanh thu bán ra: 100 triệu đồng - đạt 45% so với thực hiện năm 2015, nếu so sánh với thực hiện năm 2014 thì doanh thu bằng 50%.



❖ Sản xuất gạch Terrazzo:

- Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm rộng rãi hơn tới người tiêu dùng để mở rộng thị trường và thị phần; chú trọng hơn đến nhóm khách hàng là nhà dân, khách hàng mua lẻ.
- Thực hiện công tác điều tra, nghiên cứu thị trường để các sản phẩm gạch luôn theo kịp xu hướng phát triển của thị trường và chú trọng thực hiện tốt khâu hậu mãi và thực hiện các chính sách đối với người môi giới, khách hàng gián tiếp ...
- Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát quy trình sản xuất từ khâu nhập nguyên vật liệu, tổ chức sản xuất, bảo dưỡng, giao nhận ... để đảm bảo các khâu sản xuất một cách liên kết và sử dụng nguyên vật liệu tiết kiệm nhất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và hiệu quả hoạt động.
- Thương hiệu gạch terrazzo DONGKHÔI của đơn vị sản xuất đã được chứng nhận hợp quy. Do vậy, trong quá trình sản xuất phải đảm bảo thực hiện đúng quy trình kỹ thuật để đảm bảo sản phẩm xuất xưởng đạt các chỉ tiêu theo các tiêu chuẩn đã đăng ký.
- **Số liệu kế hoạch năm 2016:** Doanh thu bán ra: 1,4 tỷ đồng tăng 4%, lợi nhuận trước thuế: 128,3 triệu đồng tăng 1% so với thực hiện năm 2015. Nếu so sánh với thực hiện năm 2014 thì doanh thu tương đương nhưng lợi nhuận trước thuế chỉ bằng 65% (nguyên nhân lợi nhuận giảm so với năm 2014 là do giá nguyên liệu đầu vào, chi phí lương, chi phí khác ... đều tăng nhưng giá bán không tăng tương ứng để phù hợp với giá thị trường).

❖ Sản xuất gạch bê tông tự chèn:

- Để tiếp tục cung ứng lượng nhu cầu còn lại của Công trình Kênh tỉnh - Khu công nghiệp Giao Long do đơn vị thi công. Năm 2016, đơn vị tiếp tục lập kế hoạch sản xuất gạch bê tông tự chèn để cung ứng cho công trình trên.
- Tuy nhiên do sản phẩm gạch bê tông tự chèn hiện nay và dự kiến thời gian tới không còn phù hợp với đa số thị hiếu người tiêu dùng tại thị trường Bến Tre (nhu cầu thị trường đang chuyển sang gạch terrazzo do dễ thi công, sửa chữa, tính mỹ quan cao hơn, giá thành thấp hơn ...) và mặc khác, đây là phần hạng mục tiếp nối nên phải sử dụng gạch bê tông tự chèn để đảm bảo tính đồng nhất của công trình. Do vậy, năm 2016 đơn vị chỉ lập kế hoạch sản xuất đủ sản lượng để đáp ứng cho công trình trên và không lập kế hoạch sản xuất kinh doanh bán ra.



❖ Sản xuất Tole & xà gồ:

- Trong năm qua, việc đa dạng hóa nhà cung cấp để giảm giá mua đầu vào (các nhà cung cấp sẽ phải có sự tranh tranh về giá bán). Sự thuận lợi này sẽ được đơn vị tiếp tục áp dụng trong thời gian tới.
- Thực hiện chiến lược mở rộng thị trường, chú ý đến nhóm khách hàng tiềm năng. Song song đó sẽ xây dựng các chính sách bán hàng linh động hơn (giảm giá bán nếu khách hàng mua trọn gói vật tư; chính sách dành cho thầu thợ, người môi giới ...) nhằm tăng thị phần và đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu lợi nhuận.
- Tiến hành rà soát lại toàn bộ chi phí sản xuất, định mức sử dụng nguyên vật liệu, giá nguyên liệu đầu vào (tìm thêm nhà cung cấp để có lợi thế về giá mua), giảm giá trị hàng tồn kho (thường xuyên theo dõi nhu cầu thị trường để có nguyên liệu cung cấp kịp thời và giảm lượng hàng tồn kho).
- **Số liệu kế hoạch năm 2016:** Doanh thu bán ra là 480 triệu đồng - tăng 5%, lợi nhuận trước thuế là 44,6 triệu đồng - tăng 8% với thực hiện năm 2015. Nếu so sánh với thực hiện năm 2014 thì tổng doanh thu đạt 75% và lợi nhuận trước thuế tăng 3%.

Hoạt động vận tải hàng hóa:

- Tiếp tục kiểm tra việc chấp hành qui định và qui trình bảo dưỡng phương tiện đã ban hành. Trong thực tiễn nếu có vấn đề phát sinh hợp lệ thì qui trình này sẽ được điều chỉnh cho thật phù hợp với thực tế nhằm đảm bảo các phương tiện luôn được bảo quản tốt, luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động và không để xảy ra các hư hỏng do lỗi chủ quan của người điều khiển phương tiện.
- Đồng thời tăng cường tuyên truyền việc chấp hành tốt các nội qui, qui định, qui trình và ý thức trách nhiệm của bộ phận này từ việc bảo dưỡng, vận hành và sử dụng phương tiện một cách có hiệu quả, giảm những hư hỏng nhỏ không đáng có hoặc hạn chế các chi phí phát sinh để bảo đảm phương tiện hoạt động một cách liên tục, có hiệu quả.
- Chú trọng hơn nữa công tác điều động để tăng năng suất hoạt động của phương tiện và đảm bảo phương tiện được sử dụng một cách tối ưu.
- Số liệu kế hoạch năm 2016: Doanh thu thực hiện là 2,5 tỷ đồng - tăng 8%. Nếu so sánh với thực hiện năm 2014 thì doanh thu tăng 44%.





Hoạt động Tài chính - Kế toán

- Chú trọng hơn nữa công tác phân tích và đề xuất về vấn đề tài chính của các bộ phận nghiệp vụ để tham mưu cho Ban Lãnh đạo một cách nhanh chóng, chính xác và toàn diện về thực trạng hoạt động tài chính để Ban Lãnh đạo có thể ra quyết định chọn phương án hành động phù hợp hoặc những giải pháp hữu hiệu trong từng thời điểm, từng tình hình cụ thể.
- Lập phương án, kế hoạch chuẩn bị vốn cho các hoạt động một cách định kỳ và đột xuất theo từng thời điểm, tiến độ sản xuất, tiến độ thi công công trình ... các kế hoạch này nếu được lập sát với diễn biến thị trường thì sẽ hỗ trợ rất tốt các mặt hoạt động khác hoàn thành nhiệm vụ được giao và mang về doanh thu, lợi nhuận cho đơn vị.
- Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để tạo lợi thế về nguồn vốn vay và sự bảo lãnh để tham gia dự thầu, bảo lãnh mua hàng ... khi Công ty có nhu cầu.
- Kiểm tra việc thực hiện chính sách bán hàng chậm trả; tiến độ và khả năng thanh toán đúng hạn tiền nợ hàng bán; theo dõi và đề xuất biện pháp thu hồi nợ quá hạn, nợ khó đòi ...
- Công tác chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định của Luật Kế toán, chế độ kế toán và các báo cáo kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

Công tác Tổ chức – Hành chính

- Tiếp tục chấp hành nghiêm túc Nội quy, Quy chế làm việc của Công ty và các chính sách pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.
- Thực hiện trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, trang phục bảo hộ lao động, trang phục văn phòng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên;
- Tiếp tục thực hiện tốt việc ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước đối với đơn vị, đối với toàn thể CB.CNV; Tham gia tốt công tác phúc lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của Tỉnh và chính quyền địa phương phát động.
- Năm 2016 là năm bản lề cho nhiều chính sách mới về lao động việc làm, bảo hiểm xã hội được triển khai đi vào cuộc sống. Ngay từ 1/1/2016, nhiều quy định cụ thể về lĩnh vực này sẽ có hiệu lực. Đơn vị sẽ căn cứ vào các Nghị định, Thông tư, Hướng dẫn ... của các cơ quan chức năng để áp dụng theo đúng quy định hiện hành.
- Kế hoạch thực hiện năm 2016 như sau: Tổng số lao động là 144 người, Tổng quỹ lương là 9,37 tỷ đồng, thu nhập bình quân là 5,4 triệu đồng/người/tháng

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
2. VỀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC
3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng

Những tiến bộ đạt được

- Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh, đồng thời cung ứng đầy đủ vật tư cho các hoạt động khác.
- Công tác quản lý hàng tồn kho linh hoạt, đảm bảo có đủ hàng hóa trong thời gian nhu cầu cao và không tồn kho quá nhiều trong giai đoạn thị trường giảm, tác động tích cực đến kết quả kinh doanh.
- Tạo được mối quan hệ thân thiết giữa nhà phân phối – VXB và khách hàng thông qua chính sách chiết khấu phù hợp.

Những vấn đề hạn chế

- Phải thực hiện đạt các chỉ tiêu về doanh số, sản lượng do nhà sản xuất đưa ra trong khi sức tiêu thụ của thị trường thì có giới hạn. Đồng thời trong năm qua khâu quản lý, điều động, giám sát và phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các phòng và kho, cửa hàng, phương tiện, phân xưởng chưa thật chặt chẽ nên vẫn còn trình trạng khách hàng chưa hài lòng do hàng hóa giao không đúng với thời gian, số lượng hoặc tiến độ như đã thông báo.
- Các chính sách khuyến mãi, chiết khấu, quảng bá ... của các nhà sản xuất chưa phát huy hết tác dụng để kích thích thị trường nhằm tăng trưởng thị trường và thị phần;
- Sự cạnh tranh của các nhà phân phối trong và ngoài tỉnh nhằm chiếm lĩnh thị phần diễn ra ngày càng gay gắt và phức tạp trên tất cả các phân khúc và nhóm khách hàng (đại lý, nhà dân, đơn vị thi công ...). Sự cạnh tranh không lành mạnh này có thể đạt mục tiêu trước mắt của một vài nhà phân phối nhưng nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính tổng thể của thị trường. Về vấn đề này thì đơn vị đã làm việc với nhà sản xuất để tìm ra giải pháp giải quyết trình trạng này.
- Việc chọn lọc, ưu tiên giao dịch với các khách hàng có tình hình tài chính và khả năng thanh toán tốt đã ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ, doanh thu bán ra.
- Chính sách cắt giảm đầu tư công đã làm sức tiêu thụ của thị trường giảm trong khi Công ty chưa đẩy mạnh thị phần ở thị trường dân dụng đã ảnh hưởng đến sản lượng thực hiện và doanh thu của đơn vị trong năm qua.
- Ngoài ra còn nguyên nhân chủ quan trong nội tại đơn vị là bộ phận thị trường chưa thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao như kỳ vọng, chưa theo kịp diễn biến thị trường và nhu cầu khách hàng, chủng loại hàng hóa chưa đa dạng, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng (nhất là mặt hàng xi măng khi khách hàng mua thì không có hàng cung cấp hoặc chạy theo chỉ tiêu sản lượng nên tại một thời điểm chỉ có một mặt hàng – VD chỉ có mặt hàng Hà Tiên trong khi thị trường cần Nghi Sơn, Cẩm Phả, Tây Đô ...). Đồng thời cũng chưa thực hiện tốt công tác tham mưu, đề xuất các kế hoạch, biện pháp ... khi thị trường có sự biến động.

Hoạt động thi công san lấp, xây dựng:**Những tiến bộ đạt được**

- Hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Phát huy thế mạnh của mảng kinh doanh chủ lực

Những vấn đề hạn chế

- Sự phối hợp giữa đội thi công, phòng kỹ thuật xây dựng, phòng kinh doanh và bộ phận giao nhận tại kho chưa thật sự nhịp nhàng, hợp lý ...
- Phòng kinh doanh đôi lúc còn bị động trong việc mua và giao hàng theo yêu cầu, chưa thực hiện tốt công tác chuẩn bị nguồn hàng kịp thời cho các công trình.
- Tiến độ quyết toán, giải ngân các công trình còn chậm do nhiều nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan.
- Các doanh nghiệp thi công xây dựng ngày càng nhiều nên sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, thậm chí có công trình khi đấu thầu đơn vị đã chủ động giảm thầu đến 20% nhưng vẫn không thể trúng thầu (các công trình giảm thầu này vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận tuy ít nhưng chủ yếu nhằm mục đích đảm bảo việc làm cho người lao động, đảm bảo doanh thu ...).
- Việc thực hiện áp dụng Luật đấu thầu mới số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Nghị định hướng dẫn số 63/2014/NĐ-CP và thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/05/2015 cũng gây nhiều bất lợi đối với đơn vị trong thời gian qua như:
 - Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng chỉ cho phép nhà thầu là doanh nghiệp cấp nhỏ và siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp tham gia đấu thầu.
 - Các nhân sự chủ chốt (Chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật ...) không thể đảm nhận nhiều hơn một công trình.
 - Các thiết bị thi công (xe cơ giới, máy phát điện ...) cũng không được đảm nhận thi công nhiều hơn một công trình.
 - Do ảnh hưởng của các quy định này nên số lượng các công trình có giá trị dưới 5 tỷ đơn vị không được tham gia đấu thầu và đơn vị cũng gặp khó khăn về nhân sự (VD nếu thi công 10 công trình thì phải có tối thiểu 30 nhân sự chủ chốt và phải có trình độ chuyên môn phù hợp) ... nên số lượng các công trình trong năm qua giảm, làm doanh thu của lĩnh vực thi công xây dựng giảm và tổng doanh thu của đơn vị cũng giảm theo.



Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Mỹ Thanh An:

Đến 31/12/2015, tình hình thi công các hạng mục công trình đã hoàn tất và đã nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chỉ còn hạng mục xây dựng chợ và trạm xử lý nước thải do nhiều nguyên nhân khách quan chưa thể triển khai xây dựng trong năm 2015; tình hình sang nhượng các lô đất cơ bản đã xong, chỉ còn lại 12 lô tái định cư chưa có chỉ tiêu bố trí của UBND tỉnh, và 01 lô tái bố trí còn chờ thủ tục bổ sung hồ sơ.

Hoạt động khai thác cát

Những tiến bộ đạt được

- Tuân thủ quy định của pháp luật về khai thác và môi trường.
- Đảm bảo đủ nguồn cung ứng theo yêu cầu khách hàng.

Những vấn đề hạn chế

- Do trữ lượng một số mỏ đã gần hết nên chất lượng, sản lượng khai thác giảm. Đồng thời, hoạt động san lấp mặt bằng vẫn chưa có sự hồi phục, sản lượng tiêu thụ của các công trình thấp và các công trình mới chưa triển khai thi công.
- Đơn vị cũng gặp bất lợi trong khâu tiêu thụ do giá thành cao hơn những đơn vị tư nhân, cá nhân khác do đơn vị phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước (Phí BVMT: 4.000 đồng/m³, Thuế tài nguyên: 11% trên giá bán, tiền quyền khai thác, tiền ký quỹ BVMT, các chi phí khác.... các chi phí này chiếm đến 35% giá bán) trong khi những đơn vị khác có thể lách luật để giảm chi phí, thậm chí khai thác trái phép. Bất lợi về giá thành khai thác nên thậm chí đơn vị phải thuê, mua cát của đơn vị khác để thi công san lấp mặt bằng các công trình do đơn vị thi công.



Hoạt động sản xuất VLXD:

Những tiến bộ đạt được

- Thực hiện khá tốt việc cung cấp các sản phẩm gạch nung, gạch terrazzo, tole & xà gồ cho hoạt động xây dựng luôn kịp thời, đúng số lượng và đạt chất lượng.
- Thường xuyên tiến hành kiểm tra tất cả các khâu của toàn bộ quá trình sản xuất gạch terrazzo, đảm bảo gạch thành phẩm xuất xưởng phải đạt tiêu chuẩn chất lượng như đã công bố.
- Chính sách đảm bảo chất lượng đã tạo được uy tín với khách hàng, khẳng định thương hiệu VXB trong khu vực.

Những vấn đề hạn chế

- Chi phí phục vụ mảng sản xuất cao dẫn đến giá thành sản xuất tăng nhưng giá bán không thể tăng theo tương ứng.
- Việc trên thị trường xuất hiện những sản phẩm cùng phân khúc, cùng chủng loại nhưng giá cả và chất lượng không rõ ràng ... cũng gây không ít khó khăn cho đơn vị trong thời gian qua
- Các công trình lớn thi công chậm tiến độ, thậm chí một số công trình phải tạm ngưng thi công vì vấn đề vốn và giải ngân vốn ... nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng sản xuất và tiêu thụ như kế hoạch đã đề ra.

Hoạt động vận tải hàng hóa

- Doanh thu thực hiện là 2,3 tỷ đồng - vượt 16% so với kế hoạch năm 2015 và tăng 13% so với thực hiện cùng kỳ 2014.
- Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động vận tải là thực hiện tốt chức năng luân chuyển hàng hóa hỗ trợ hoạt động kinh doanh VLXD, vận chuyển vật tư hỗ trợ hoạt động xây dựng và hoạt động sản xuất tại phân xưởng. Do vậy, đơn vị không đặt ra yêu cầu cao về lợi nhuận cho hoạt động này.





Hoạt động Tài chính - Kế toán

- Tận dụng tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng nên trong từng thời điểm vốn lưu động được bổ sung từ nguồn vốn vay để kịp thời giải quyết các vấn đề về tài chính.
- Công tác chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện theo đúng các quy định của Luật Kế toán, chế độ kế toán và các báo cáo theo đúng quy định của Nhà nước.
- Ban Giám đốc thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban, bộ phận lập các kế hoạch mua vào, bán ra, kế hoạch sử dụng vật tư của các đội thi công, phân xưởng sản xuất v.v.. định kỳ và đột xuất tùy theo từng thời điểm và tình hình thị trường nên đã chủ động hơn trong việc sử dụng, bố trí nguồn vốn một cách hợp lý nhằm đảm bảo cho các lĩnh vực hoạt động không bị đình trệ do vấn đề vật tư hay vấn đề vốn.
- Thường xuyên kiểm tra tình hình thanh toán và thu hồi tiền nợ hàng bán. Công tác này được tổ chức thực hiện một cách mềm dẻo và linh động theo từng nhóm khách hàng, từng thời điểm nhằm đảm bảo đạt mục đích là từng bước kéo giảm trình trạng chiếm dụng vốn của khách hàng nhưng không làm giảm sản lượng tiêu thụ, doanh thu bán ra và không gây ra tác động tiêu cực đến thị phần của đơn vị.

Công tác Tổ chức – Hành chính:

- Ban hành Quy chế thi đua khen thưởng để làm cơ sở đánh giá, xếp loại khen thưởng cho toàn thể CB.CNV. Việc áp dụng quy chế này sẽ là động cơ để người lao động phấn đấu hơn nữa trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao và nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc.
- Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, trang phục bảo hộ lao động, trang phục văn phòng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên;
- Thực hiện tốt việc ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước đối với đơn vị, đối với toàn thể CB.CNV; Tham gia tốt công tác phúc lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của Tỉnh và chính quyền địa phương phát động.
- Tổ chức tặng quà cho CB CNV nhân dịp lễ, tết nguyên đán; tổ chức cho con em CB.CNV vui chơi tại khu nghỉ dưỡng Mỹ An - Bến Tre nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, tổ chức cho CB.CNV tham quan nghỉ dưỡng tại Đà Lạt, ...
- Kết hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra công tác An toàn lao động - Vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy và tổ chức các sân chơi lành mạnh nhằm tăng cường thể lực, tinh thần thoải mái để người lao động an tâm công tác.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

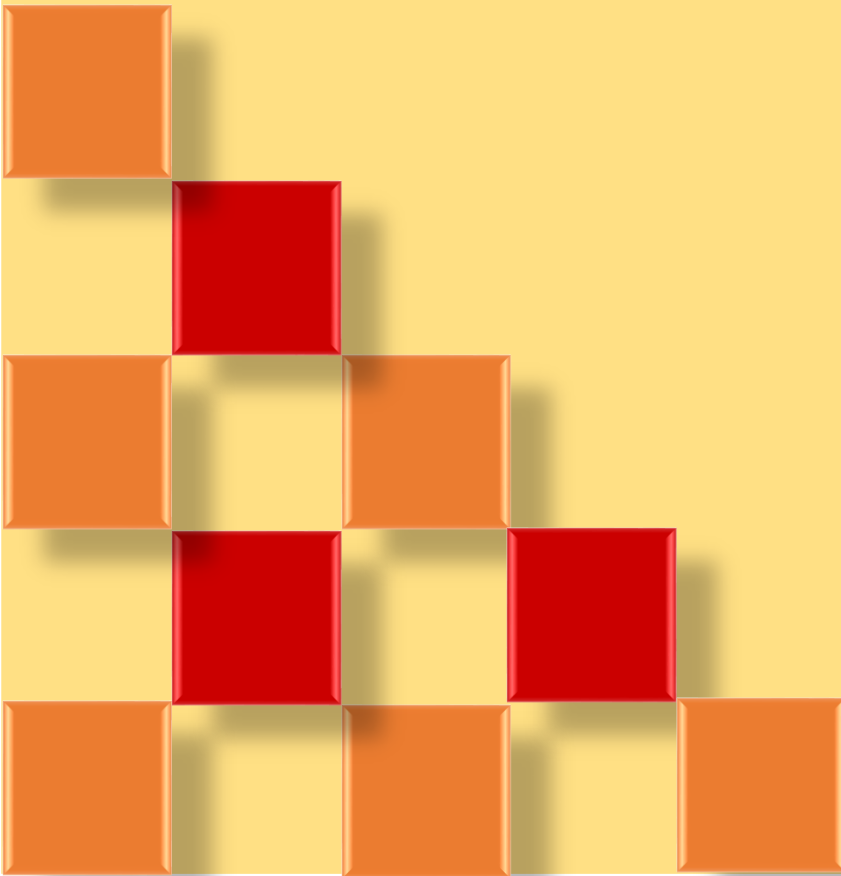
Trong năm 2015, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT. Ban quản lý điều hành đã luôn bám sát nghị quyết của HĐQT đề ra, định kỳ mỗi quý báo cáo đánh giá sát thực tình hình sản xuất kinh doanh của quý trước và xây dựng kế hoạch, giải pháp cho quý tiếp theo để báo cáo HĐQT.

Trong năm qua Ban quản lý công ty đã có nhiều giải pháp tốt để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như kịp thời ban hành các quy định nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ thi công san lấp, cung ứng Vật liệu xây dựng; các giải pháp chính sách thu hút khách hàng; các giải pháp cải cách tiền lương nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng

suất; các giải pháp nhằm quản trị chặt chẽ chi phí sản xuất... Công tác đầu tư mua sắm cũng được quản trị chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Ban Giám đốc cũng đã phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động





3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Chỉ đạo triển khai các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đến các bộ phận và người lao động để các thành viên xác định rõ nhiệm vụ của mình;
- Tiếp tục giữ vững thị trường và thị phần các mặt hàng vật liệu xây dựng; tận dụng tối đa các ưu thế, các mối quan hệ và thương hiệu của đơn vị để phát triển lĩnh vực thi công xây dựng.
- Trong tình hình nguồn vốn ngân sách đầu tư mới cho XDCCB vẫn chưa có dấu hiệu tăng trưởng. Do vậy, để chủ động hơn trong hoạt động thi công xây dựng thì đơn vị sẽ tận dụng các ưu thế về uy tín, về năng lực và lợi thế về nguồn vốn (nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng, các nguồn vốn xã hội khác) để triển khai kế hoạch đầu tư thực hiện dự án trong thời gian tới.
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành, đảm bảo cơ cấu tổ chức Công ty gọn, nhẹ, năng động và hiệu quả;
- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong hoạt động kinh doanh, tài chính; kế hoạch chi tiêu;
- Phối hợp với BKS giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo Ban giám đốc duy trì hình tài chính lành mạnh, nhằm phát huy tối đa hiệu quả đồng vốn đầu tư của các cổ đông;
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy trình làm việc nhằm tăng trách nhiệm của bộ máy điều hành, nâng cao hiệu quả kinh doanh

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. BAN KIỂM SOÁT
3. CÁC GIAO DỊCH



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần (cp)	Tỷ lệ (%)
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch	67.565	1,67
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	-	-
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	-	-
Ông Phan Trọng Tài	Thành viên	135.348	3,34
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên	57.937	1,43

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Với quy một hoạt động và cơ cấu tổ chức của VXB hiện nay, Hội đồng quản trị xét thấy có đủ năng lực thực hiện công tác quản trị thống nhất cho toàn công ty vì vậy không thành lập thêm các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Căn cứ quy định của pháp luật và nhu cầu thực tế tại công ty, năm 2015, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức tổng cộng 04 kỳ họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên, chiếm tỷ lệ 100% trên mỗi buổi họp.

Qua đó, công tác chỉ đạo triển khai Nghị quyết Đại hội cổ đông được Hội đồng quản trị thực hiện theo từng giai đoạn. Kết thúc mỗi giai đoạn, công tác triển khai được tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm cho kỳ tiếp theo được thực hiện hiệu quả hơn.

Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch	4/4	100%
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	4/4	100%
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	4/4	100%
Ông Phan Trọng Tài	Thành viên	4/4	100%
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên	4/4	100%



Các cuộc họp Hội đồng quản trị

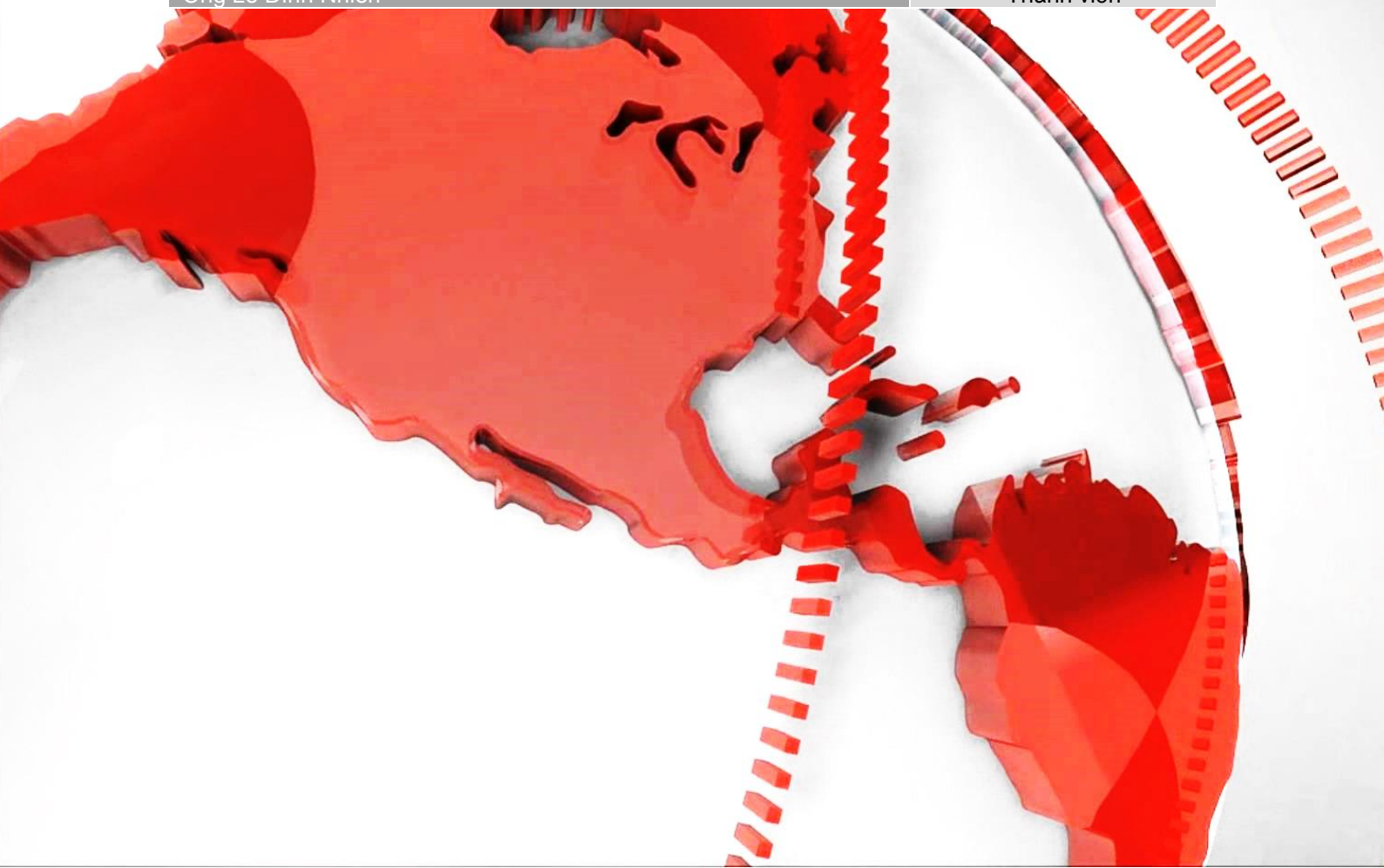
Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01/2015/NQ-HĐQT	03/04/2015	Thông qua tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2015
02/2015/NQ-HĐQT	20/04/2015	Thay đổi Kế toán trưởng: - Miễn nhiệm Bà Lê Thị Nguyệt Phượng - Bổ nhiệm Ông Phan Tấn Mỹ
03/2015/NQ-HĐQT	14/08/2015	Thông nhất kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2015 và kế hoạch 06 tháng cuối năm 2015
04/2015/NQ-HĐQT	31/12/2015	Quyết định thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015

Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có vai trò đưa ra ý kiến độc lập của mình trong mỗi cuộc họp Hội đồng quản trị nhằm có sự tham mưu khách quan cho các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị công ty. Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật, tham gia đầy đủ và đóng góp thiết thực cho hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Thành viên	Chức vụ
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên
Ông Phan Trọng Tài	Thành viên
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên





2. BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần (CP)	Tỷ lệ (%)
Ông Võ Bá Trắc	Trưởng BKS	9.800	0,24
Ông Lê Xuân Lâm	Thành viên BKS	28.968	0,72
Ông Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên BKS	14.370	0,35

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty và Quy chế quản trị nội bộ công ty. Tổng kết năm 2015, Ban kiểm soát tổ chức họp 04 kỳ (theo quý) nhằm kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động công ty, qua đó sẽ thực hiện báo cáo đến cổ đông vào Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

Một số điểm đáng lưu ý trong hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015 có thể kể đến như sau:

- Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: theo dõi, giám sát chặt chẽ và sát sao việc tổ chức sản xuất kinh doanh của các bộ phận trong công ty, đảm bảo công tác sản xuất được triển khai đúng quy trình, đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, an toàn cho người lao động.
- Giám sát công tác tài chính: giám sát và kiểm tra tính minh bạch của việc ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo tài chính hằng quý, bán niên và báo cáo tài chính năm; đồng thời, đề xuất đơn vị kiểm toán chất lượng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị: để thực thi phần nhiệm vụ giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát cử đại diện tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhằm hiểu rõ tinh thần, chủ trương chỉ đạo của Hội đồng quản trị, qua đó thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu giữa công tác chỉ đạo bên trên và thực thi bên dưới, kịp thời phát hiện thiếu sót, kiến nghị Hội đồng quản trị có phương án khắc phục.
- Giám sát hoạt động của Ban giám đốc công ty: Ban giám đốc là đơn vị điều hành, thực thi việc tổ chức các hoạt động kinh doanh của công ty. Ban kiểm soát theo sát các hoạt động của Ban giám đốc trong năm đồng thời phối hợp với Hội đồng quản trị để kịp thời chỉ đạo Ban giám đốc trong công tác duy trì tình hình tài chính lành mạnh, phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư của cổ đông.

Tổng kết năm 2015, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, và các công tác khác của công ty.



3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Thù lao/năm (đồng)
Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch HĐQT	23.606.000
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên HĐQT	17.704.000
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	17.704.000
Ông Phan Trọng Tài	Thành viên HĐQT	17.704.000
Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên HĐQT	17.704.000
Ông Võ Bá Trắc	Trưởng BKS	17.704.000
Ông Lê Xuân Lâm	Thành viên BKS	11.803.641
Ông Huỳnh Hữu Phúc	Thành viên BKS	11.803.641

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm, Giám đốc và các Phó giám đốc của công ty thực hiện đăng ký mua cổ phiếu VXB do cổ đông Nhà nước là Tổng công ty Đầu tư Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) thực hiện thoái vốn tại VXB. Tuy nhiên, do số lượng nhà đầu tư tham gia đấu giá cổ phần VXB không đạt đến số lượng tối thiểu theo yêu cầu của quy chế đấu giá, cuộc đấu giá đã không thành công, Cổ đông nội bộ công ty vì vậy không thực hiện giao dịch thành công.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Nhằm tổ chức thực hiện quản trị công ty rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định pháp luật, công ty xây dựng Điều lệ và quy chế quản trị công ty nhằm có sự phân công phân nhiệm phù hợp. Các bộ phận tổ chức thực hiện quản trị công ty theo đúng quy trình đã quy định.

Trong thời gian tới, khi Luật doanh nghiệp thay đổi dẫn đến sự thay đổi của các quy định về quản trị công ty, VXB sẽ tiến hành điều chỉnh, xây dựng mới Điều lệ cũng như các quy chế quản trị nội bộ nhằm phù hợp với quy định nhưng vẫn đảm bảo phục vụ hiệu quả cho công tác tại công ty

Không có



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**®)
Công ty Thành viên của **Reanda International**
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Trụ sở văn phòng: 156-158 Phó Quang, phường 9, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
Tel 84 (8) 3999 00 91-97 Fax: +84 (8) 3 999 00 90
Email: info@vietvalues.com Website: www.vietvalues.com



Số: 2103/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập ngày 15 tháng 03 năm 2016 (từ trang 07 đến trang 36) của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết, để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

VIETVALUES

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Đỗ Thị Hương - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 0967-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		133.131.703.225	133.978.671.802
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	7.465.837.880	10.042.863.280
111	1. Tiền		7.465.837.880	10.042.863.280
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		108.075.141.063	102.073.206.665
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	102.459.161.230	95.016.500.741
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.750.295.148	806.041.460
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	4.470.705.245	6.597.914.826
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(605.020.560)	(347.250.362)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	17.590.724.282	21.862.601.857
141	1. Hàng tồn kho		17.590.724.282	21.862.601.857
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		43.176.705.308	40.663.981.277
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		15.732.758.720	13.854.797.651
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	14.896.964.117	13.019.003.048
222	- Nguyên giá		29.051.375.970	25.985.477.179
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.154.411.853)	(12.966.474.131)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	835.794.603	835.794.603
228	- Nguyên giá		835.794.603	835.794.603
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	13.848.002.964	13.848.002.964
231	- Nguyên giá		13.848.002.964	13.848.002.964
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		12.348.175.590	12.239.376.045
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.11	11.943.766.045	11.943.766.045
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	404.409.545	295.610.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.247.768.034	721.804.617
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7	1.247.768.034	721.804.617
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		176.308.408.533	174.642.653.079



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		111.593.851.699	108.189.816.309
310	I. Nợ ngắn hạn		109.639.451.699	108.189.816.309
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	8.126.090.066	9.852.800.069
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	3.473.051.241	2.337.555.511
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	5.079.512.562	6.550.909.208
314	4. Phải trả người lao động	V.16	1.478.522.222	3.961.575.018
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	4.537.263.950	4.537.263.950
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	13.211.709.708	11.497.645.747
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	73.662.864.529	68.954.044.017
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	70.437.421	498.022.789
330	II. Nợ dài hạn		1.954.400.000	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	1.954.400.000	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		64.714.556.834	66.452.836.770
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	64.714.556.834	66.452.836.770
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		40.490.060.000	40.490.060.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.490.060.000	40.490.060.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.067.762.000	4.067.762.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		14.152.369.189	13.116.089.803
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.004.365.645	8.778.924.967
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		273.787.349	131.619.580
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.730.578.296	8.647.305.387
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		176.308.408.533	174.642.653.079

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng

PHAN TÂN MỸ

Bến Tre, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Giám đốc



PHAN QUỐC THÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	206.466.844.574	233.887.192.619
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	23.072.727
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		206.466.844.574	233.864.119.892
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	185.557.956.303	209.815.364.277
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.908.888.271	24.048.755.615
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	146.957.407	417.204.111
22	7. Chi phí tài chính		5.171.059.064	5.203.169.982
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		5.171.059.064	5.203.169.982
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	3.829.742.012	4.368.330.462
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	6.428.665.035	6.183.521.030
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.626.379.567	8.710.938.252
31	11. Thu nhập khác	VI.6	2.420.877.086	2.840.699.857
32	12. Chi phí khác		522.570.472	200.603.581
40	13. Lợi nhuận khác		1.898.306.614	2.640.096.276
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.524.686.181	11.351.034.528
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.7	1.687.880.960	2.556.324.981
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.836.805.221	8.794.709.547
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.8	1.229	1.852

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng

PHAN TÂN MỸ

Bến Tre, ngày 15 tháng 03 năm 2016.

Giám đốc



PHAN QUỐC THÔNG

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		211.666.268.778	204.562.153.571
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(139.223.969.120)	(142.609.183.627)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(7.572.228.183)	(7.281.649.659)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(5.171.059.064)	(5.203.169.982)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.641.254.700)	(3.083.221.487)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.009.166.365	4.264.975.666
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.752.428.201)	(52.103.347.619)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.314.495.875	(1.453.443.137)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.764.029.000)	(2.813.272.994)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		50.000.000	90.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		82.800.563	49.536.961
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.631.228.437)	(2.673.736.033)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		112.536.389.537	115.794.289.021
35	5. Tiền trả nợ thuế tài chính		(105.873.169.025)	(98.177.690.412)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.923.513.350)	(5.923.265.850)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		739.707.162	11.693.332.759
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		(2.577.025.400)	7.566.153.589
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		10.042.863.280	2.476.709.691
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	7.465.837.880	10.042.863.280

15/01/2016

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ KIM THI

Kế toán trưởng

PHAN TẤN MỸ



PHAN QUỐC THÔNG

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre được (sau đây gọi tắt là “Công ty”) Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất – Thương mại – Xây dựng – Kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh vật liệu xây dựng, khai thác cát, san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
Đổi với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trình bày tại thuyết minh số IV.19 do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 128 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 138 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

12
ÔN
NH
OÁ
UÁ
TP





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý Công ty.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 20 năm
Máy móc và thiết bị	04 – 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04 năm
Tài sản cố định khác	06 năm

8. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

9. Nguyên tắc kế toán Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu Bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

16



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều
		điều chỉnh		chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Bảng cân đối kế toán				
- Phải thu ngắn hạn khác	136	6.081.054.709	516.860.117	6.597.914.826
- Hàng tồn kho	141	33.806.367.902	(11.943.766.045)	21.862.601.857
- Tài sản ngắn hạn khác	155	516.860.117	(516.860.117)	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	11.943.766.045	11.943.766.045
- Quỹ đầu tư phát triển	418	9.487.662.549	3.628.427.254	13.116.089.803
- Quỹ dự phòng tài chính		3.628.427.254	(3.628.427.254)	-
Kết quả kinh doanh				
- Thu nhập khác	31	2.860.888.752	(20.188.895)	2.840.699.857
- Chi phí khác	32	220.792.476	(20.188.895)	200.603.581
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.172	(320)	1.852

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

18

331
CỔ
HỮU
TỔ
HỮU
TP



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.114.997.035	2.289.723.129
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.350.840.845	7.753.140.151
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	7.465.837.880	10.042.863.280

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	102.459.161.230	95.016.500.741
Công An tỉnh Bến Tre- Phòng Hậu Cần	28.345.785.398	24.530.091.320
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Thành phố Bến Tre	22.393.862.805	15.447.872.799
Ban Quản lý Dự án Thạnh Phú	8.245.021.936	-
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	6.058.211.172	20.425.273.248
Các khách hàng khác	37.416.279.919	34.613.263.374
Cộng	102.459.161.230	95.016.500.741

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước tổ chức nhà cung cấp khác</i>	1.750.295.148	806.041.460
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Xây lắp Vĩnh An	307.429.453	296.447.761
Lê Hồng Phước	800.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	642.865.695	509.593.699
Cộng	1.750.295.148	806.041.460

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

19

28
NG
HIỆN
N.V
H



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.470.705.245	-	6.597.914.826	-
Lê Văn Trung- Đội xây dựng 6	-	-	2.213.995.733	-
Lê Hoàng Dũng- Đội xây dựng 4	993.049.853	-	851.814.967	-
Lê Hoàng Thanh- Đội xây dựng số 1	2.165.538.802	-	631.189.199	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.312.116.590	-	2.900.914.927	-
Cộng	4.470.705.245	-	6.597.914.826	-

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	605.020.560	257.770.198
Quá hạn trên 03 năm	605.020.560	-	-	-
- Công ty TNHH XD Đại Gia phú	183.835.590	-	183.835.590	55.150.677
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển đô thị dầu khí	169.854.670	-	169.854.670	84.927.335
- Nguyễn Văn Phong	145.071.100	-	145.071.100	72.535.550
- Nguyễn Thị Thủy	65.894.380	-	65.894.380	33.047.190
- DNTN Xây dựng Chí Trung	25.843.820	-	25.843.820	7.753.146
- Công ty PT và Xây dựng Nhà Cửu Long	14.521.000	-	14.521.000	4.356.300
	605.020.560	-	605.020.560	257.770.198

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(347.250.362)	-	(347.250.362)
Trích lập dự phòng bổ sung	(257.770.198)	-	(257.770.198)
Tăng khác	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối năm	(605.020.560)	-	(605.020.560)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

20

125
 TY
 HỮU
 À TU
 VIỆ
 5 C



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.293.519.022	-	1.204.857.791	-
Công cụ, dụng cụ	34.686.911	-	16.166.518	-
Chi phí SXKD dở dang	11.422.934.708	-	15.443.621.206	-
Thành phẩm	788.616.606	-	971.489.915	-
Hàng hóa	4.050.967.035	-	4.226.466.427	-
Cộng	17.590.724.282	-	21.862.601.857	-

Chi phí sản xuất dở dang chủ yếu là chi phí xây dựng các khu tái định cư

Chi tiết :	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu tái định cư Mỹ Thạnh An	7.600.137.151	8.377.432.070
Các công trình khác	3.822.797.557	7.066.189.136
Cộng	11.422.934.708	15.443.621.206

Hàng tồn kho của Công ty đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre (xem Thuyết minh V.19)

7. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là chi phí công thăm do khai thác cát được phân bổ vào chi phí không quá 36 tháng

Chi tiết:	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	721.804.617	1.129.852.056
Tăng trong năm	1.639.714.978	1.560.971.231
Phân bổ trong năm	(1.113.751.561)	(1.969.018.670)
Số cuối năm	1.247.768.034	721.804.617





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.562.127.977	3.758.990.328	14.192.138.447	157.157.273	315.063.154	25.985.477.179
Mua trong năm	99.894.684	307.082.364	4.114.748.408	34.545.455	-	4.556.270.911
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.490.372.120)	-	-	(1.490.372.120)
Số cuối năm	7.662.022.661	4.066.072.692	16.816.514.735	191.702.728	315.063.154	29.051.375.970
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.410.996.995	3.170.792.464	7.038.600.603	42.518.092	303.565.977	12.966.474.131
Khấu hao trong năm	376.675.062	230.488.341	1.955.237.893	34.068.627	8.622.882	2.605.092.805
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.417.155.083)	-	-	(1.417.155.083)
Số cuối năm	2.787.672.057	3.401.280.805	7.576.683.413	76.586.719	312.188.859	14.154.411.853
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.151.130.982	588.197.864	7.153.537.844	114.639.181	11.497.177	13.019.003.048
Số cuối năm	4.874.350.604	664.791.887	9.239.831.322	115.116.009	2.874.295	14.896.964.117

Trong đó: - Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.738.129.392 đồng

- Giá trị còn lại tài sản cố định được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền: 3.790.166.613 đồng (xem tại thuyết minh mục V.19)

9. Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất sử dụng lâu dài theo GCN quyền sử dụng đất số: CT 00905 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 26 tháng 06 năm 2012 tại số 12 đường Số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đất này đang được sử dụng làm trụ sở hoạt động của Công ty)

Quyền sử dụng đất này đã đư được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đông Á-CN Bến Tre (xem tại thuyết minh mục V.19)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

10a. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Thạnh An	Quyền sử dụng đất tại xã Phú Nhuận(*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Mua mới	-	-	-
Số cuối năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Tồn thất do suy giảm giá trị			
Số đầu năm	-	-	-
Tồn thất do giảm giá trị trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964
Số cuối năm	8.899.887.402	4.948.115.562	13.848.002.964

- Giá trị còn lại Bất động sản đầu tư được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bến Tre với số tiền: 4.948.115.562 đồng (xem tại thuyết minh mục V.19)

- Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Hiện tại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện thực hiện. Vì vậy, Công ty tạm lấy theo giá trị sổ sách.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Là chi phí dự án Khu tái định cư Phú Tân. Công ty đã trình Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre số 102/TT-VLXD ngày 14 tháng 09 năm 2015 về việc xem xét phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư Phú Tân, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre.

Toàn bộ dự án này đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Bến Tre (xem Thuyết minh V.19)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	295.610.000	4.116.330.317	(4.007.530.772)	404.409.545
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	100.368.407	(100.368.407)	-
Cộng	295.610.000	4.216.698.724	(4.107.899.179)	404.409.545

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

23

NH





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	8.126.090.066	9.852.800.069
Công ty Cổ phần Cơ khí Tiền Giang	1.249.616.150	312.152.400
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	1.150.454.780	928.951.200
Công ty TNHH Thép Bình Nguyên	998.917.019	1.067.102.249
Công ty TNHH MTV XDCT Tuyết Ngân	856.314.075	-
Các nhà cung cấp khác	3.870.788.042	7.544.594.220
Cộng	8.126.090.066	9.852.800.069

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	3.473.051.241	2.337.555.511
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Ưt Bực, Bến Tre	1.962.670.279	-
Lê Quang Sách	200.600.000	200.600.000
Trần Ngọc Ánh	188.290.000	188.290.000
Lê Thị Lài	180.000.000	180.000.000
Các khách hàng khác	941.490.962	1.768.665.511
Cộng	3.473.051.241	2.337.555.511

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.410.832.501	6.004.597.963	(6.525.995.653)	3.889.434.811
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.798.324.981	1.687.880.960	(2.641.254.700)	844.951.241
Thuế thu nhập cá nhân	5.781.715	193.294.853	(192.780.058)	6.296.510
Thuế tài nguyên	111.990.011	1.086.507.400	(1.078.267.411)	120.230.000
Tiền thuê đất	-	304.841.000	(304.841.000)	-
Thuế bảo vệ môi trường	223.980.000	1.975.468.000	(1.980.848.000)	218.600.000
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	6.550.909.208	11.258.590.176	(12.729.986.822)	5.079.512.562

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%. Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình với mức thuế suất 11%.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác cát với mức phí phải nộp là 4.000đ/m³

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Quyế lương của Công ty được thực hiện tạm trích theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 01/2015/QĐ-HĐQT ngày 03 tháng 04 năm 2015. Cụ thể, Công ty đã tạm trích chi phí lương trong kỳ theo đơn giá tiền lương 394 đồng/1000 lợi nhuận trước thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí xây dựng nhà máy nước thải thuộc dự án Khu dân cư Mỹ Thạnh An.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	13.211.709.708	11.497.645.747
Kinh phí công đoàn	68.696.888	10.807.280
Bảo hiểm xã hội	16.852.157	18.385.610
Bảo hiểm y tế	609.729	875.139
Bảo hiểm thất nghiệp	553.460	671.420
Các khoản phải trả ngắn hạn khác(*)	13.124.997.474	11.466.906.298
Cộng	13.211.709.708	11.497.645.747

(*) Chủ yếu là khoản phải trả cho đội xây dựng

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Hoài Yến – Đội xây dựng số 2	6.681.211.716	9.998.623.968
Lê Văn Trung – Đội xây dựng số 6	3.020.022.786	-
Nguyễn Tiến Tài	1.158.365.206	-
Trần Trung Trực – Đội xây dựng số 5	895.552.171	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.369.845.595	1.468.282.330
Cộng	13.124.997.474	11.466.906.298

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽ⁱ⁾	70.998.966.490	70.998.966.490	63.042.876.032	63.042.876.032
Vay Ngân hàng TMCP Đông Á – CN Bến Tre ⁽ⁱⁱ⁾	765.400.000	765.400.000	5.911.167.985	5.911.167.985
Vay Ngân hàng Bưu điện Liên Việt – CN Bến Tre ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.409.898.039	1.409.898.039	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả(xem thuyết minh số V.19b)	488.600.000	488.600.000	-	-
Cộng	73.662.864.529	73.662.864.529	68.954.044.017	68.954.044.017

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre theo hợp đồng hạn mức số 01/2015/670816/HĐTD ngày 04 tháng 05 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc Thế chấp, cầm cố tài sản, không bảo đảm một phần. Theo giá trị định giá của Ngân hàng như sau :
- + Tài sản cố định: 9.753.000.000 đồng.
 - + Vật tư tồn kho bình quân: 36.000.000.000 đồng.
 - + Giá trị quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận: 8.145.000.000 đồng. (xem thuyết minh số V.8 và thuyết minh V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Á- CN Bến Tre theo hợp đồng vay vốn số: 07.H0140/1HM ngày 31 tháng 07 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 08 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất tại Mỹ Thạnh An thành phố Bến Tre (xem thuyết minh số V.9)
- (iii) Khoản vay tại Ngân hàng Bưu điện Liên Việt –CN Bến Tre hợp đồng tín dụng 483/-15/HĐTD-BT ngày 09 tháng 06 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8,75% thời hạn vay 12 tháng và được đảm bảo theo bằng quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo hợp đồng bảo đảm tiền vay số: 144-15/HĐTC-BT ngày 09/06/2015 và 144-15/HĐTC-BT/PL01 ngày 08/07/2015.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	68.954.044.017	51.337.445.408
Số tiền vay phát sinh	110.093.389.537	115.794.289.021
Kết chuyển từ vay dài hạn	488.600.000	-
Số tiền vay đã trả	(105.873.169.025)	(97.457.690.412)
Số cuối năm	73.662.864.529	68.954.044.017

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

20



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
<i>Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre</i>	1.954.400.000	1.954.400.000	-	-
Cộng	1.954.400.000	1.954.400.000	-	-

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre theo hợp vay số 01/2015/670816 ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Mục đích vay: Đầu tư mua 3 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HINO phục vụ hoạt động kinh doanh

Thời hạn vay: 05 năm

Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo định kỳ 2 lần/ 1 năm vào các ngày 1/5, 1/11 trên cơ sở số dư nợ vay và lãi suất cho vay hiện hành theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh

Tài sản thế chấp: Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HINO theo hợp đồng thế chấp TS số 01/2015/670816/HĐBĐ ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Chi tiết phát sinh các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Số tiền vay phát sinh	2.443.000.000	-
Tăng khác	-	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(488.600.000)	-
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	1.954.400.000	-

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	204.670.410	700.000.000	(855.375.000)	49.295.410
Quỹ phúc lợi	293.352.379	695.349.232	(967.559.600)	21.142.011
Cộng	498.022.789	1.395.349.232	(1.822.934.600)	70.437.421

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

27





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	8.657.355.337	3.228.370.815	8.647.305.387	65.090.853.539
-Tăng từ lãi năm trước	-	-	830.307.212	400.056.439	8.794.709.547	10.025.073.198
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(8.663.089.967)	(8.663.089.967)
Số dư cuối năm trước	40.490.060.000	4.067.762.000	9.487.662.549	3.628.427.254	8.778.924.967	66.452.836.770
Chuyển số dư theo Thông tư 200	-	-	3.628.427.254	(3.628.427.254)	-	-
Số dư đầu năm nay	40.490.060.000	4.067.762.000	13.116.089.803	-	8.778.924.967	66.452.836.770
-Tăng từ lãi trong năm	-	-	-	-	5.836.805.221	5.836.805.221
- Tăng do phân phối lợi nhuận	-	-	1.036.279.386	-	-	1.036.279.386
-Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(8.611.364.543)	(8.611.364.543)
Số dư cuối năm	40.490.060.000	4.067.762.000	14.152.369.189	-	6.004.365.645	64.714.556.834

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Cổ đông nhà nước	20.146.260.000	49,76	20.146.260.000	-
Cổ đông khác	20.343.800.000	50,24	20.343.800.000	-
Cộng	40.490.060.000	100	40.490.060.000	-

Đại diện cho phần vốn cổ đông Nhà nước là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu, phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	40.490.060.000	40.490.060.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.490.060.000	40.490.060.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.073.509.000	6.073.509.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

28



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.049.006	4.049.006
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.049.006	4.049.006
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.049.006	4.049.006
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.049.006	4.049.006
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.		

21e. Mục đích trích lập các quỹ của doanh nghiệp

- *Quỹ đầu tư phát triển được dùng:*
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong qua trình kinh doanh;
 - + Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
 - + Bỏ sung vốn điều lệ cho Công ty;
 - + Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.
- *Quỹ khen thưởng được dùng để*
 - + Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
 - + Thưởng đột suất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
 - + Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.
- *Quỹ phúc lợi được dùng để:*
 - + Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
 - + Chỉ cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
 - + Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
 - + Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2015 như sau:

Số dư đầu năm (1)	8.778.924.967
Tăng từ lợi nhuận sau thuế 2015 (2)	5.836.805.221
Phân phối trong năm (3)	8.611.364.543
• Chia cổ tức cho các cổ đông	6.073.509.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.036.279.386
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.395.349.232
• Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	106.226.925
Số dư cuối năm (4)=(1)+(2)-(3)	6.004.365.645

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	115.373.600	115.373.600
- Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	-	-
- Nợ khó đòi đã được thu hồi được	-	-

Số cuối năm 115.373.600 115.373.600

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Y&D	45.400.000	45.400.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thành Thịnh	33.945.000	33.945.000
- Trần Kiêm Khánh	14.220.300	14.220.300
- Các khách hàng khác	21.808.300	21.808.300

Cộng 115.373.600 115.373.600

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT:VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng hóa	57.707.424.734	59.615.271.414
Doanh thu thành phẩm	12.080.484.206	16.852.387.260
Doanh thu san lấp	1.819.250.635	34.618.641.469
Doanh thu vận tải	2.314.534.910	1.740.144.919
Doanh thu xây dựng các công trình	128.292.975.924	110.597.185.330
Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.240.760.164	10.463.562.227
Doanh thu gạch bê tông tự chèn TP	11.414.001	-
Cộng	206.466.844.574	233.887.192.619

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

30



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	54.528.244.090	58.551.571.285
Giá vốn của thành phẩm đã bán	10.017.370.241	15.479.810.554
Giá vốn san lấp	1.691.489.331	26.303.334.340
Giá vốn vận tải	1.384.395.833	1.938.932.492
Giá vốn xây dựng các công trình	114.284.458.813	102.140.337.340
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.651.038.273	5.401.378.266
Giá vốn gạch bê tông tự chèn TP	959.722	-
Cộng	185.557.956.303	209.815.364.277

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	82.800.563	49.536.961
Doanh thu khác	64.156.844	367.667.150
Cộng	146.957.407	417.204.111

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	1.976.020.684	2.368.877.379
Chi phí vật liệu, bao bì	625.715.333	496.108.790
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	147.429.196	247.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.463.977	100.241.794
Chi phí dịch vụ mua ngoài	743.804.548	320.931.159
Chi phí bằng tiền khác	312.308.274	1.081.924.340
Cộng	3.829.742.012	4.368.330.462

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.518.821.846	2.379.100.365
Chi nguyên vật liệu	547.828.254	166.119.345
Khấu hao tài sản cố định	469.971.330	366.808.378
Thuế, phí và lệ phí	77.547.592	6.000.000
Trích lập dự phòng	257.770.198	347.250.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.540.932.232	808.726.331
Chi phí bằng tiền khác	1.015.793.583	2.109.516.249
Cộng	6.428.665.035	6.183.521.030

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

31





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hàng khuyến mãi	924.667.905	1.209.507.569
Thu từ thanh lý TSCĐ	790.419.326	72.538.377
Chiết khấu mua hàng	364.375.832	1.466.286.123
Thuê kho	209.236.364	-
Khác	132.177.659	92.367.788
Cộng	2.420.877.086	2.840.699.857

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.524.686.181	11.351.034.528
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	147.500.000	268.624.477
- Các khoản điều chỉnh tăng	147.500.000	268.624.477
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	7.672.186.181	11.619.659.005
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	7.672.186.181	11.619.659.005
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.687.880.960	2.556.324.981



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.836.805.221	8.794.709.547
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(859.586.744)	(1.295.349.232)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.977.218.477	7.499.360.315
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.049.006	4.049.006
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.229	1.852

(*) Công ty căn cứ vào Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2015 để thực hiện tạm tính số Quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.615.520.608	111.022.582.883
Chi phí nhân công	36.026.920.138	32.554.577.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.605.092.805	1.980.270.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.620.758.707	14.742.856.564
Chi phí khác	5.432.085.907	13.751.838.067
Cộng	159.300.378.165	174.052.125.754





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền thu từ đi vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	112.536.389.537	115.794.289.021
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	-
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	112.536.389.537	115.794.289.021

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	105.873.169.025	98.177.690.412
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	-
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	105.873.169.025	98.177.690.412

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	670.320.000	869.400.000
Tiền thù lao	147.536.923	295.901.000
Cộng	817.856.923	1.165.301.000

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động xây dựng và kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	69.799.322.941	132.533.736.088	4.133.785.545	206.466.844.574
Giá vốn hàng bán	64.546.574.053	117.935.497.086	3.075.885.164	185.557.956.303
Lãi gộp	5.252.748.888	14.598.239.002	1.057.900.381	20.908.888.271

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

34



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước

<i>T</i>	Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh hàng hóa và thành phẩm	Hoạt động xây dựng và kinh doanh Bất động sản	Hoạt động khác	Cộng
<i>n</i>	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.444.585.947	121.060.747.557	36.358.786.388	233.864.119.892
<i>h</i>	Giá vốn hàng bán	74.031.381.839	107.541.715.606	28.242.266.832	209.815.364.277
<i>l</i>	Lãi gộp	2.413.204.108	13.519.031.951	8.116.519.556	24.048.755.615

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp các tài sản để đảm bảo cho các khoản vay gồm : Giá trị tài sản cố định, vật tư tồn kho bình quân và giá trị Quyền sử dụng đất tại Phú Nhuận được Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre định giá để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18). Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp này tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 6.091.045.541 đồng.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 Địa chỉ: Số 12, đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IX. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	75,51	83,55
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	24,49	16,45
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	63,29	61,95
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	36,71	38,05
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,21	1,35
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,05	1,04
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,07	0,09
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	10,13	10,28
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	2,83	3,76
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	117,66	143,89
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	3,33	5,41
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	8,90	13,37
4. Hệ số đo lường hiệu quả hoạt động			
- Vòng quay tài sản	Vòng	1,18	1,44
- Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	1,96	2,82
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,41	4,60
- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	8,38	6,02

Bến Tre, ngày 15 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN THỊ KIM THI

PHAN TẤN MỸ

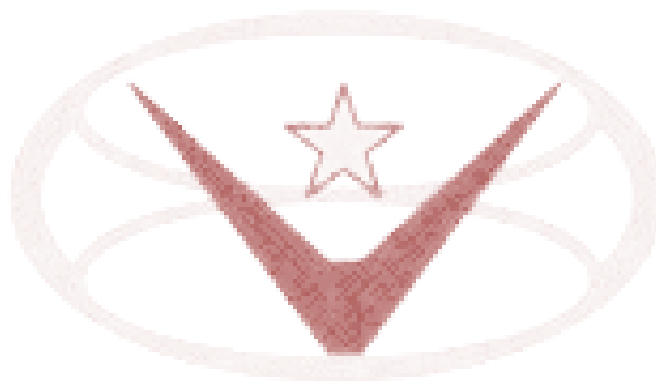
PHAN QUỐC THÔNG



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



PHAN QUỐC THÔNG



Vatlieuxaydungbentre